

TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU 9

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DOANH TRẠI TIỂU  
ĐOÀN 6/ TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU 9**

*Sóc Trăng, năm 2023*

**TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU 9**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DOANH TRẠI TIỂU  
ĐOÀN 6/ TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU 9**

**CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**



**Đại tá Phạm Thanh Bình**

*Sóc Trăng, năm 2023*

## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>i</b>
<b>DANH MỤC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT</b> .....	<b>iii</b>
<b>DANH MỤC BẢNG</b> .....	<b>iv</b>
<b>Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ</b> .....	<b>1</b>
1. Tên chủ dự án đầu tư:.....	1
2. Tên dự án đầu tư: .....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư.....	1
3.1. Công suất của dự án đầu tư: .....	1
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư .....	5
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	5
4. Nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:.....	5
<b>Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG</b> .....	<b>6</b>
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:.....	6
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:.....	6
<b>Chương III HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ</b> .....	<b>7</b>
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật: .....	7
1.1. Hiện trạng môi trường không khí .....	7
1.2. Hiện trạng môi trường nước .....	10
1.3. Tài nguyên sinh vật .....	12
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án: .....	14
3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án: .....	14
<b>Chương IV ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b> .....	<b>15</b>
1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án: .....	15

1.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải .....	15
1.2. Công trình, biện pháp lưu giữ rác thải rắn .....	15
1.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	16
1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung .....	16
1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	17
2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành .....	18
2.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải .....	18
2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải: .....	21
2.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn.....	21
2.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khi dự án đi vào vận hành .....	22
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	23
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.	30
<b>Chương V NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>31</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	31
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải .....	31
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung .....	31
<b>Chương VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN .....</b>	<b>33</b>
1. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	33
2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	34
<b>Chương VII CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....</b>	<b>35</b>



## DANH MỤC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD <sub>5</sub>	:	Nhu cầu oxi sinh hoá 5 ngày
BTCT	:	Bê tông cốt thép
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
BXD	:	Bộ xây dựng
CO	:	Cacbon monoxit
COD	:	Nhu cầu oxi hoá học
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTRXD	:	Chất thải rắn xây dựng
DO	:	Nồng độ oxy hoà tan
HST	:	Hệ sinh thái
NĐ-CP	:	Nghị định chính phủ
MPN/100 mL	:	Mật độ khuẩn lạc trong 100 mililit
NO <sub>2</sub>	:	Nitơ đioxit
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
SO <sub>2</sub>	:	Lưu huỳnh đioxit
TSS	:	Tổng chất rắn lơ lửng
TT	:	Thông tư

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Thống kê các hạng mục công trình dự án.....	1
Bảng 3.1. Kết quả quan trắc không khí xung quanh trên địa bàn thành phố Sóc Trăng từ 2020-2021 .....	9
Bảng 3.2. Bảng thống kê số lượng động vật hoang dã được quản lý .....	13
Bảng 4.1 Thực hiện các công trình bảo vệ môi trường .....	23
Bảng 5.1. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (theo mức âm tương đương), dBA .....	31
Bảng 5.2. Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ .....	32
Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm.....	33
Bảng 6.2. Kế hoạch lấy mẫu nước thải trước và sau hệ thống xử lý nước thải..	33

# Chương I

## THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### 1. Tên chủ dự án đầu tư:

- Chủ đầu tư: Trường Quân sự Quân khu 9.
- Địa chỉ văn phòng: Đường Trần Hưng Đạo, Phường 2, thành phố Sóc Trăng.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Đại tá Phạm Thanh Bình.

### 2. Tên dự án đầu tư:

- Tên dự án: Xây dựng Doanh trại Tiểu đoàn 6/Trường Quân sự Quân khu 9.
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Đường Trần Hưng Đạo, Phường 2, thành phố Sóc Trăng.
- Quy mô của dự án đầu tư:
  - + Thuộc nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
  - + Tiêu trí về môi trường: Dự án thuộc nhóm III theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

#### 3.1. Công suất của dự án đầu tư:

Diện tích khu đất thực hiện dự án: 9.160,2 m<sup>2</sup> nằm trong khu đất của Trường quân sự quân khu 9.

**Bảng 1.1. Thống kê các hạng mục công trình dự án**

TT	Hạng mục	Diện tích sàn/xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Nhà ở và làm việc Chỉ huy Tiểu đoàn	648
2	Nhà ăn	797
3	Nhà ở học viên Đại đội 61	766
4	Nhà ở học viên Đại đội 62	766
5	Nhà ở học viên Đại đội 63	766,2
6	Nhà vệ sinh đại đội 61	189
7	Nhà vệ sinh đại đội 62	189

TT	Hạng mục	Diện tích sàn/xây dựng (m <sup>2</sup> )
8	Nhà vệ sinh đại đội 63	189
9	Đường bê tông đá 1x2 B20 dày 180mm	2.350
10	Sân bê tông đá 1x2 B15 dày 70mm	2.500
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9.160,2</b>

Hiện trạng khu vực dự án:

- Về mặt bằng tổng thể hiện trạng là khu đất đã có các hạng mục hiện trạng và hệ thống đường giao thông chính đã được đầu tư xây dựng một số trục đường.
- Về hệ thống điện: Hiện nay khu vực xây dựng đã có nguồn điện 3 pha.
- Về cấp nước: Đã đầu tư xây dựng mới một phần hệ thống ống cấp nước theo trục đường chính và xung quanh các nhà hiện trạng.
- Về thoát nước: Đã đầu tư xây dựng mới một phần hệ thống cống, rãnh theo trục đường chính và xung quanh các nhà hiện trạng (sử dụng cống D1000, D800, D600 và rãnh B500).

Các hạng mục công trình xây mới của dự án như sau:

*a. Nhà ở và làm việc Chỉ huy Tiểu đoàn*

- Phương án kiến trúc: Nhà 02 tầng, tổng diện tích sàn 648,0 m<sup>2</sup>, gồm 07 gian có 06 gian 3,9m + 01 gian 4,8m, nhịp 6,9m, bố trí 01 lối vào chính và 02 lối vào phụ bên hông khối nhà, giao thông theo phương ngang bằng hành lang trước rộng 1,8m, hành lang sau rộng 2,2m, mỗi tầng đều có bố trí khu vệ sinh, giao thông theo phương đứng lên các tầng bằng cầu thang bộ được bố trí ở giữa ngay lối vào chính để liên hệ thuận tiện với các phòng chức năng. Tầng 1 cao 3,9m, tầng 2 cao 3,9m. Chiều chiều cao từ mặt nền đến đỉnh mái cao 10,500m (tính từ cao độ +0.00).

- Phương án kết cấu chính: Căn cứ số liệu khảo sát địa chất công trình, qua đó xác định phương án chọn móng như sau: Móng sử dụng cọc bê tông ly tâm tiết diện D300; Đài cọc, giằng móng, cổ cột bê tông cốt thép mác 250; Khung nhà chịu lực bằng bê tông cốt thép mác 200; Dầm, sàn bê tông cốt thép mác 200 đổ toàn khối; Nền tầng 1 sử dụng bê tông cốt thép mác 200; Mái ngói (mái bông) dùng mái ngói màu đỏ 22v/m<sup>2</sup> (ngói đất nung), hệ xà gồ (30x60)mm khoảng cách trung bình 260mm trên hệ vì kèo thép hình và giằng tường thu hồi; Sàn mái BTCT đổ tại chỗ M200 trát trần vữa xi măng M75 dày 15mm; Xây tường bao che, ngăn cách bằng gạch ống câu gạch thẻ dày 20cm.

- Phương án hoàn thiện, vật liệu: Tường, cột, dầm, sàn sơn trực tiếp 1 nước lót 2 nước phủ; Trần thạch cao giạt cấp tạo kiến trúc phòng giao ban; Nền

trong nhà và hành lang lát gạch 50x50, chân tường trong nhà và hành lang ốp gạch 50x20 cao 0,2m màu gạch nền; Nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn 30x30 và tường khu vệ sinh ốp gạch 30x60 cao 2,4m; Chân tường ngoài nhà ốp đá chẻ (*son bóng phần đá chẻ*); Tam cấp, bậc cầu thang xây gạch thẻ mặt bậc lát đá granite, mặt lan can, ngạch cửa ốp đá granite; Lan can lục bình bê tông; Khung, cửa đi và cửa sổ sử dụng cửa nhôm giả gỗ kính trắng an toàn dày 6.38ly; Hệ thống PCCC sử dụng bình CO<sub>2</sub> và bình bột chữa cháy cho các nhà; Lắp đặt hệ thống cấp điện và cấp thoát nước hoàn chỉnh (*ống cấp thoát nước đi ngầm trong tường hoặc hộp kỹ thuật*); Hệ thống chống sét được bố trí trên mái ngói gồm hệ thống kim thu sét D18 L=1700, dây dẫn sét D10, thanh tiếp địa D14, bãi cọc tiếp địa L63x63x6m L=2500. Các liên kết giữa kim thu sét, dây dẫn sét, cọc tiếp địa phải được thực hiện bằng hàn điện. Dây dẫn sét sơn 02 lớp chống rỉ, cọc và thanh tiếp địa không được sơn, kim thu sét phải được mạ kẽm nhúng nóng. Điện trở yêu cầu đối với hệ thống chống sét là  $\leq 10$  ohm. Điện trở yêu cầu đối với tiếp địa an toàn là  $\leq 4$  ohm. Nếu không đạt có thể đóng thêm cọc hoặc sử dụng hóa chất.

#### b. Nhà ăn

- Phương án kiến trúc: Nhà 01 tầng phân thành 3 khu (khu ăn, khu soạn chia + khu nấu + gia công và khu sinh hoạt + kho) diện tích xây dựng 797,0 m<sup>2</sup>. Khu ăn gồm 10 gian bước gian 3,6m, nhịp 9,0m, hành lang trước 2,1m. Khu soạn chia + khu nấu gồm 5 gian bước gian 3,6m, gồm có 3 nhịp (3,35m+4,8m+3,6m). Khu sinh hoạt + kho gồm 6 gian bước gian 3,6m, nhịp 6,0m, hành lang trước 1,8m. Chiều cao từ mặt nền đến trần cao 3,9m, chiều cao từ mặt nền đến đỉnh mái cao 7,250m (tính từ cao độ +0.00).

- Phương án kết cấu chính: Móng đơn bê tông cốt thép mác 250 trên nền đất tự nhiên; Cột bê tông cốt thép toàn khối mác 250; Khung cột, dầm, sàn bê tông cốt thép toàn khối mác 200; Các cấu kiện bê tông cốt thép còn lại sử dụng bê tông mác 200; Nền tầng 1 sử dụng bê tông đá 4x6 mác 150; Mái ngói (mái buồng) dùng mái ngói màu đỏ 22v/m<sup>2</sup> (ngói đất nung), hệ xà gồ (30x60)mm khoảng cách trung bình 260mm trên hệ vì kèo thép hình và giằng tường thu hồi; Sàn mái BTCT đổ tại chỗ M200 trát trần vữa xi măng M75 dày 15mm; Xây tường bao che, ngăn cách bằng gạch ống câu gạch thẻ dày 20cm.

- Phương án hoàn thiện, vật liệu: Tường, cột, dầm, sàn sơn trực tiếp 1 nước lót 2 nước phủ; Trần sử dụng trần nhựa 60x60 khung nhôm nổi (khu ăn); Nền trong nhà và hành lang lát gạch đá nhám 60x60, chân tường trong nhà và hành lang ốp gạch 30x60 cao 2,1m; Nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn 30x30 và tường khu vệ sinh ốp gạch 30x60 cao 2,1m; Chân tường ngoài nhà ốp đá chẻ (*son bóng phần đá chẻ*); Tam cấp xây gạch thẻ mặt bậc lát đá granite; Mặt lan can, ngạch cửa ốp đá granite; Khung, cửa đi và cửa sổ sử dụng cửa nhôm giả gỗ kính trắng an toàn dày 6.38ly (*riêng khu vệ sinh dùng kính trắng mờ an toàn dày 6.38 ly*); Hệ thống PCCC sử dụng bình CO<sub>2</sub> và bình bột chữa cháy cho các nhà; Lắp đặt hệ thống cấp

điện và cấp thoát nước hoàn chỉnh (*ống cấp thoát nước đi ngầm trong tường hoặc hộp kỹ thuật*); Hệ thống chống sét như nhà Ban chỉ huy.

*c. Nhà ở học viên Đại đội 61, Đại đội 62, Đại đội 63*

- Phương án kiến trúc: Nhà 02 tầng, tổng diện tích sàn 762,0 m<sup>2</sup>, mặt bằng hình chữ nhật, gồm 09 gian bước gian 3,6m, nhịp 6,9m, bố trí 01 lối vào chính và 02 lối vào phụ bên hong khô nhà, giao thông theo phương ngang bằng hành lang trước và sau rộng 1,8m, hành lang bên hong nhà rộng 1,5m, giao thông theo phương đứng lên các tầng bằng cầu thang bộ được bố trí ở giữa của khối nhà để liên hệ thuận tiện lên xuống. Tầng 1 cao 4,0m, tầng 2 cao 4,0m. Chiều cao từ mặt nền đến đỉnh mái cao 10,750m (tính từ cao độ +0.00).

- Phương án kết cấu chính: Căn cứ số liệu khảo sát địa chất công trình, qua đó xác định phương án chọn móng như sau: Móng sử dụng cọc bê tông ly tâm tiết diện D300; Đài cọc, giằng móng, cổ cột bê tông cốt thép mác 250; Khung nhà chịu lực bằng bê tông cốt thép mác 200; Dầm, sàn bê tông cốt thép mác 200 đổ toàn khối; Nền tầng 1 sử dụng bê tông đá 4x6 mác 150 dày 100; Mái ngói (mái buồng) dùng mái ngói màu đỏ 22v/m<sup>2</sup> (ngói đất nung), hệ xà gồ (30x60)mm khoảng cách trung bình 260mm trên hệ vì kèo thép hình và giằng tường thu hồi; Sàn mái BTCT đổ tại chỗ M200 trát trần vữa xi măng M75 dày 15mm; Xây tường bao che, ngăn cách bằng gạch ống câu gạch thẻ dày 20cm.

- Phương án hoàn thiện, vật liệu: Phương án hoàn thiện, vật liệu: Tường, cột, dầm, sàn sơn trực tiếp 1 nước lót 2 nước phủ; Nền trong nhà và hành lang lát gạch 50x50, chân tường trong nhà và hành lang ốp gạch 50x20 cao 0,2m màu gạch nền; Chân tường ngoài nhà ốp đá chẻ (*son bóng phần đá chẻ*); Tam cấp, bậc cầu thang xây gạch thẻ mặt bậc lát đá granite, mặt lan can, ngách cửa ốp đá granite; Lan can lục bình bê tông; Khung, cửa đi và cửa sổ sử dụng cửa nhôm giả gỗ kính trắng an toàn dày 6.38ly; Hệ thống PCCC sử dụng bình CO2 và bình bột chữa cháy cho các nhà; Lắp đặt hệ thống cấp điện và thoát nước hoàn chỉnh; Hệ thống chống sét như nhà Ban chỉ huy.

*d. Nhà vệ sinh Đại đội 61, Đại đội 62, Đại đội 63*

- Phương án kiến trúc: Nhà 01 tầng phân thành 2 khu (khu tắm và khu vệ sinh), tổng diện tích sàn 189,0 m<sup>2</sup>, mặt bằng hình chữ nhật, gồm 05 gian bước gian 3,6m, có 3 nhịp (2 nhịp 3,2m và 1 nhịp 3,8m). Tầng 1 cao 3,3m. Chiều cao từ mặt nền đến đỉnh mái cao 5,950m (tính từ cao độ +0.00).

- Phương án kết cấu chính: Móng đơn bê tông cốt thép mác 250 trên nền đất tự nhiên; Cổ cột bê tông cốt thép toàn khối mác 250; Khung cột, dầm, sàn bê tông cốt thép toàn khối mác 200; Các cấu kiện bê tông cốt thép còn lại sử dụng bê tông mác 200; Nền tầng 1 sử dụng bê tông đá 4x6 mác 150; Mái ngói (mái buồng) dùng mái ngói màu đỏ 22v/m<sup>2</sup> (ngói đất nung), hệ xà gồ (30x60)mm khoảng cách trung bình 260mm trên hệ vì kèo thép hình và giằng tường thu hồi; Xây tường bao che, ngăn cách bằng gạch ống câu gạch thẻ dày 20cm.

- Phương án hoàn thiện, vật liệu: Tường, cột, dầm, sàn sơn trực tiếp 1 nước lót 2 nước phủ; Nền khu xí lát gạch nhám 30x30; Khu tiêu, khu tắm lát gạch nhám 40x40, hành lang lát gạch 40x40, chân tường trong nhà và hành lang ốp gạch 30x60 cao 2,1m; Chân tường ngoài nhà ốp đá chẻ (*son bóng phần đá chẻ*); Cửa đi và cửa sổ sử dụng cửa nhôm giả gỗ kính trắng mờ an toàn dày 6.38 ly; Lắp đặt hệ thống cấp điện và cấp thoát nước hoàn chỉnh.

*e. Hệ thống sân đường, cột cờ*

- Đường bê tông dày 180mm: Lớp bê tông đá 1x2 mác 250 dày 180, lớp giấy dầu, lớp cát đen đôn nền đầm chặt K=0,95; lớp cát nền hiện trạng đầm chặt K=0,95.

- Sân bê tông dày 70mm: Lớp bê tông đá 1x2 mác 200 dày 70, lớp giấy dầu, lớp cát đen đôn nền đầm chặt K=0,95; lớp cát nền hiện trạng đầm chặt K=0,95.

- Cột cờ: Số lượng 01 cây. Diện tích cột cờ 3.24 m<sup>2</sup>. Cột bằng inox, bậc xây xây gạch thẻ ốp đá granit, móng BTCT.

### **3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư**

Dự án thực hiện xây dựng Doanh trại tiểu đoàn 6/ Trường quân sự quân khu 9, khi công trình hoàn thành sẽ phục vụ cho nhu cầu làm việc, học tập của hơn 700 cán bộ, chiến sĩ. Việc đầu tư xây dựng Doanh trại tiểu đoàn 6 trên khu đất của Trường quân sự quân khu 9 là phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và phù hợp với quy hoạch phát triển lĩnh vực và quy hoạch xây dựng của thành phố Sóc Trăng, phù hợp với kế hoạch sử dụng đất của tỉnh Sóc Trăng.

### **3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư**

Doanh trại tiểu đoàn 6/ Trường quân sự quân khu 9 là nơi làm việc và học tập của hơn 700 cán bộ chiến sĩ, học viên góp phần nâng cao chất lượng công tác giáo dục đào tạo, huấn luyện chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của Nhà trường; từng bước xây dựng đơn vị chính quy, hiện đại; tạo cảnh quan môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp.

### **4. Nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:**

- Nhu cầu sử dụng điện của dự án đầu tư:

+ Nguồn cung cấp điện: Sử dụng nguồn điện hạ thế của tỉnh Sóc Trăng.

- Nhu cầu sử dụng nước của dự án đầu tư:

+ Nguồn cung cấp nước: Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

+ Theo QCVN 01:2021/BXD thì định mức sử dụng nước  $\geq 80$  lít/người/ngày, số lượng các học viên, cán bộ và các đối tượng học viên chuyên môn kỹ thuật tại dự án là 700 người, nhu cầu sử dụng nước khoảng 56 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

## **Chương II**

# **SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NẴNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:**

Dự án Xây dựng tiểu đoàn 6/Trường quân sự quân khu 9 được xây dựng trong khu đất đã được quy hoạch xây dựng Trường quân sự quân khu 9 hiện hữu. Dự án được xây dựng góp phần tạo nơi học tập và làm việc cho hơn 700 học viên, cán bộ và các đối tượng học viên chuyên môn kỹ thuật góp phần nâng cao chất lượng công tác giáo dục đào tạo, huấn luyện chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của Nhà trường.

### **2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:**

Dự án Xây dựng Tiểu đoàn 6/Trường quân sự quân khu 9 được xây dựng tại khu đất thuộc địa phận của Trường quân sự quân khu 9 và lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án khi đi vào hoạt động sẽ được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án. Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT và sẽ được thoát ra hệ thống thoát nước chung của thành phố Sóc Trăng. Do đó, báo cáo không thực hiện đánh giá khả năng chịu tải của môi trường.



## **Chương III**

# **HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

### **1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:**

#### **1.1. Hiện trạng môi trường không khí**

Theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường thành phố Sóc Trăng năm 2021, chất lượng môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn trên địa bàn thành phố được đánh giá trong 2 khung giờ sáng (7 – 12 giờ) và chiều (13 – 17 giờ), với 4 vị trí như sau: Khu vực tiếp giáp đường Bạch Đằng (VT1); Vòng xoay Mạc Đĩnh Chi – Lê Duẩn (VT2); Vòng xoay tượng đài trung tâm (VT3); Ngã ba Trà Men (VT4). Kết quả quan trắc các khí ô nhiễm CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub> tại các vị trí trên cho thấy nồng độ các khí SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub> và CO là thấp và nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT. Riêng kết quả quan trắc tiếng ồn và bụi lơ lửng cho thấy có dấu hiệu ô nhiễm cục bộ về tiếng ồn, ô nhiễm bụi ở một vài khu vực (khu vực tiếp giáp đường Bạch Đằng hàm lượng bụi tổng vượt rất nhiều lần so với quy chuẩn). Nhìn chung chất lượng môi trường không khí xung quanh tại thành phố Sóc Trăng còn khá tốt.

**Bảng 3.1. Kết quả quan trắc không khí xung quanh trên địa bàn thành phố Sóc Trăng từ 2020-2021**

Thông số	Thời gian	Đơn vị	Khu vực tiếp giáp đường Bạch Đằng		Vòng xoay Mạc Đĩnh Chi - Lê Duẩn		Vòng xoay tượng đài trung tâm		Ngã ba Trà Men	
			2020	2021	2020	2021	2020	2021	2020	2021
Tiếng ồn	Sáng	dBA	72,6	68,2	69,6	68,9	72,0	66,4	75,3	71,5
	Chiều		64,4	70,7	66,2	68,7	70,8	68,8	67,3	72,1
	QCVN 26:2010/BTNMT		70,0	70,0	70,0	70,0	70,0	70,0	70,0	70,0
Tổng bụi lơ lửng	Sáng	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	1.635,4	103,1	449,4	115,3	294,6	93,9	303,0	105,8
	Chiều		1.273,8	121,4	374,9	94,6	333,5	101,3	161,6	93,4
	QCVN 05:2013/BTNMT		300,0	300,0	300,0	300,0	300,0	300,0	300,0	300,0
CO	Sáng	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	17.288,6	8.827,1	19.986,4	17.434,6	3.028,7	2.437,7	7.731,2	3.577,4
	Chiều		13.012,8	11.336,7	4.770,0	11.892,0	3.739,5	13.441,7	9.793,4	12.416,4
	QCVN 05:2013/BTNMT		30.000,0	30.000,0	30.000,0	30.000,0	30.000,0	30.000,0	30.000,0	30.000,0
SO <sub>2</sub>	Sáng	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	108,9	35,3	22,4	41,0	35,5	46,6	134,5	29,4
	Chiều		50,1	47,0	108,5	38,3	43,3	58,3	28,7	38,3
	QCVN 05:2013/BTNMT		350,0	350,0	350,0	350,0	350,0	350,0	350,0	350,0
NO <sub>2</sub>	Sáng	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	34,8	64,5	19,7	48,0	12,7	57,6	44,8	24,1
	Chiều		26,4	48,3	37,8	34,8	25,9	66,2	30,7	37,7
	QCVN 05:2013/BTNMT		200,0	200,0	200,0	200,0	200,0	200,0	200,0	200,0

**Đơn vị tư vấn:** Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ: Số 18 Hùng Vương, Phường 6, Thành phố Sóc Trăng

Điện thoại: 0299.3629212 – 0299.3827717

## 1.2. Hiện trạng môi trường nước

Trên địa bàn thành phố Sóc Trăng có hệ thống kênh rạch chằng chịt với các con sông chính như Sông Maspero, sông Saintard, kênh Sóc Trăng - Phụng Hiệp, kênh 30/4, ... là những tuyến kênh có chiều dài lớn, bề mặt kênh rộng chảy qua nhiều địa phương, có vai trò quan trọng về nhiều mặt như: giao thông thủy, cảnh quan môi trường, cấp nước sản xuất, thoát nước,... Các kênh rạch còn lại, kênh Cô Bắc, kênh 3/2,... chủ yếu là các kênh rạch nhỏ nội thành, lưu lượng dòng chảy nhỏ, chỉ giữ vai trò thoát nước hoặc cấp nước sản xuất trong một phạm vi nhất định.

Theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2021 thành phố Sóc Trăng, chất lượng nguồn nước mặt được đánh giá qua các thông số như sau:

- *Thông số pH*: Nước mặt tại các điểm quan trắc có giá trị pH dao động từ 6,85 – 7,30. Giá trị pH tại các vị trí quan trắc đều đạt quy chuẩn (giới hạn cho phép 5,5 - 9,0). Trong đó, giá trị cao nhất đạt 7,25 tại kênh Sóc Trăng – Phụng Hiệp và giá trị thấp nhất đạt 6,95 tại kênh Thị Đới.

- *Giá trị oxy hòa tan (DO)*: Kết quả quan trắc cho thấy giá trị oxy hòa tan trong nước tại các tuyến sông, kênh dao động từ 1,55 – 3,30mg/L. Hầu hết các điểm quan trắc nằm dưới giới hạn quy chuẩn tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Giá trị DO cao nhất là 3,30 tại kênh Quản Khuôn và giá trị DO thấp nhất là 1,55 tại kênh Cô Bắc. Hàm lượng DO tại các điểm quan trắc thấp sẽ ảnh hưởng đến hệ sinh thái thủy sinh và làm giảm khả năng làm sạch của nguồn nước.

- *Thông số COD (Nhu cầu oxy hóa học)*: Hàm lượng COD trong nước mặt tại các điểm quan trắc dao động từ 23,0 – 62,3 mg/L, cao nhất là 62,3 mg/L tại kênh Cô Bắc và giá trị COD thấp nhất là 23,0 mg/L tại kênh Sóc Trăng – Phụng Hiệp. Có 7/14 vị trí vượt quy chuẩn cho phép, giá trị vượt dao động từ 1,03 – 2,08 lần (giới hạn cho phép <30 mg/L).

- *Thông số BOD<sub>5</sub> (Nhu cầu oxy sinh học)*: Hàm lượng BOD<sub>5</sub> dao động từ 4,07 – 7,05 mg/L, hàm lượng cao nhất tại kênh Cô Bắc và thấp nhất tại kênh Sóc Trăng – Phụng Hiệp. Tại các điểm như sông Maspero, kênh Sóc Trăng – Phụng Hiệp là những tuyến sông lớn, lưu lượng dòng chảy lớn, khả năng trao đổi nước tốt, nên nhìn chung chất lượng nước sông kênh còn khá tốt.

- *Thông số tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*: Hàm lượng TSS trong nước mặt dao động từ 12,4 – 128 mg/L. Hàm lượng TSS cao nhất đạt 128 mg/L tại sông Saintard và hàm lượng TSS thấp nhất đạt 12,4 mg/L tại kênh Cô Bắc. Nước mặt tại thành phố Sóc Trăng mang đặc trưng của nguồn nước mặt vùng Đồng bằng sông Cửu Long có hàm lượng TSS cao (do ảnh hưởng của phù sa trong nước).

- *Thông số Clorua (Cl)*: Hàm lượng Clorua trong nước mặt dao động trong khoảng từ 151,2 – 248,8 mg/L, tất cả các điểm quan trắc đều đạt quy chuẩn (giới hạn quy định <350 mg/L).

- *Thông số các chất dinh dưỡng: amonia ( $N - NH_4^+$ ), nitrit ( $N - NO_2^-$ ) và phosphat ( $P - PO_4^{3-}$ ):*

+ *Amonia ( $N - NH_4^+$ ):* Hàm lượng Amoni trung bình tại các vị trí quan trắc trong năm 2021 dao động trong khoảng 0,37 – 14,5 mg/L, hàm lượng Amoni thấp nhất tại kênh Sóc Trăng – Phụng Hiệp và cao nhất tại kênh Cô Bắc, có 5/14 điểm quan trắc đạt giới hạn cho phép quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT và 9/14 điểm không đạt quy chuẩn cho phép, giá trị vượt quy chuẩn dao động từ 1,18 – 16,1 lần (giới hạn cho phép <0,9 mg/L).

+ *Phosphat ( $P - PO_4^{3-}$ ):* Nước mặt tại các điểm quan trắc có hàm lượng P- $PO_4^{3-}$  dao động từ 0,08 – 1,88 mg/L, hàm lượng Phosphat vượt quy chuẩn (quy định 0,3 mg/L) dao động từ 1,53 – 6,27 lần. Có 5/14 điểm quan trắc không đạt giới hạn cho phép quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cụ thể: kênh Xáng, kênh 30/4, kênh Lưu Sên, kênh Cầu Xéo và đặc biệt là kênh Cô Bắc có giá trị Phosphat cao nhất đạt 1,88 mg/L (vượt 6,27 lần so với giới hạn cho phép).

+ *Nitrit ( $NO_2^-$ ):* Theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, giới hạn cho phép của N- $NO_2$  đối với loại B<sub>1</sub> là 0,05 mg/L, tại các điểm quan trắc có hàm lượng Nitrit ( $NO_2^-$ ) dao động từ 0,01 – 0,19 mg/L. Kết quả quan trắc cho thấy có 4/14 điểm nằm trong giới hạn cho phép, cụ thể là kênh Thị Đội, kênh Lưu Sên, kênh Cầu Xéo và kênh Cô Bắc và có 10/14 vị trí vượt giới hạn cho phép, trong đó giá trị cao nhất là tại kênh 30/4 vượt 3,14 lần.

+ *Thông số Sắt (Fe):* Nước mặt tại các điểm quan trắc có hàm lượng Sắt dao động từ 0,4 – 4,47 mg/L, hàm lượng Sắt vượt quy chuẩn (quy định 0,05 mg/L) dao động từ 1,15 – 3,16 lần. Đa số các điểm quan trắc đều đạt giới hạn cho phép quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT, và có 2/14 điểm quan trắc không đạt giới hạn cho phép cụ thể: sông Saintard và sông Maspero. Giá trị Sắt cao nhất đạt 4,74 mg/L tại kênh sông Saintard (vượt 3,16 lần so với giới hạn cho phép) và giá trị thấp nhất đạt 0,4 mg/L tại kênh Cô Bắc.

+ *Thông số Coliforms:* Kết quả quan trắc cho thấy giá trị Coliforms dao động trong từ  $4,3 \times 10^3$  –  $9,3 \times 10^4$  MPN/100mL, vượt từ 1,24 – 12,4 lần. Chỉ có 1/12 điểm quan trắc đạt quy chuẩn cho phép, cụ thể: kênh Thị Đội. Hầu hết các điểm quan trắc có giá trị Coliforms vượt giới hạn nhiều lần, giá trị Coliforms giữa các điểm quan trắc có sự chênh lệch tương đối lớn. Trong đó, có một số các điểm quan trắc vượt quy chuẩn hơn 10 lần, như kênh 30/4, rạch Trà Men và kênh Cô Bắc.

Chất lượng nước mặt khu vực thành phố Sóc Trăng mang nét đặc trưng của vùng đồng bằng châu thổ với hàm lượng phù sa cao, nước thường có màu vàng đục. Nguồn nước mặt khu vực thành phố Sóc Trăng bị tác động bởi nhiều nguồn ô nhiễm như: nước thải sinh hoạt, nước thải từ các hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp,.... cộng với lưu tốc dòng chảy từ nhỏ đến trung bình, hàm lượng TSS và COD khá cao dẫn đến lượng oxy hòa tan trong nước tương đối

thấp, khả năng tự làm sạch của nguồn nước là khá hạn chế.

### 1.3. Tài nguyên sinh vật

Các hệ sinh thái trên địa bàn thành phố Sóc Trăng:

- *Hệ sinh thái đô thị*: Đô thị cũng là một hệ sinh thái như những HST khác nhưng nó có các cấu trúc đặc thù và chức năng riêng. Sự phát triển của HST đô thị liên quan đến sự biến đổi sâu xa của chiếm đất và sử dụng đất. Các sự biến đổi này dẫn đến sự xung đột kinh tế và xã hội nếu như không quan tâm đầy đủ đến tác động của phát triển đô thị đối với môi trường và kinh tế - xã hội.

Trong hệ sinh thái này đáng quan tâm hơn cả là các sinh cảnh chính sau đây: Công viên cây xanh, Hành lang cây xanh giao thông.

Hành lang cây xanh giao thông: là các hành lang dọc theo hai bên đường giao thông nội thành, với các loài cây gỗ bản địa được trồng lâu đời như Dầu rái (*Dipterocarpus alatus*), Sao đen (*Hopea odorata*) và loài cây phi bản như Phượng (*Delonix regia*), Cồng (*Samanea saman*). Cấu trúc của các hành lang này đơn giản, chỉ có một hàng cây gỗ lớn, nhằm mục đích che bóng và tạo không khí trong lành là chính.

Thời gian trước đây, khi quy hoạch các hành lang giao thông (do thiếu quỹ đất) mà không chú ý đến vai trò của hành lang đi bộ dọc theo các hành lang cây xanh này; nên phần lớn các hành lang đi bộ bị bê tông hóa 100%. Điều đó đã làm mất đi vai trò thấm lọc nước mưa và bổ cập nước ngầm cho đô thị. Ngoài ra các hành lang “mềm” sẽ tạo điều kiện dễ dàng cho việc bố trí và thi công, lắp đặt các hệ thống cấp ngầm.

Công viên cây xanh: trên địa bàn thành phố công viên cây xanh có diện tích lớn nhất là Khu văn hóa triển lãm Hồ Nước Ngọt, với diện tích cây xanh, hồ nước, có thể nói đây chính là “lá phổi” của thành phố Sóc Trăng.

- *Hệ sinh thái đất ngập nước*: Trong hệ sinh thái này đáng quan tâm hơn cả là các loại hình sinh cảnh chính sau đây:

Hành lang thực vật ven sông, rạch: đây là sinh cảnh bán tự nhiên bề rộng các hành lang thực vật hai bên bờ rất hẹp. Tuy nhiên đây là nơi kiếm ăn, di trú, của khá nhiều loài chim. Hệ thực vật kém đa dạng, thành phần loài chủ yếu Dừa nước (*Nipa fruticans*), Cóc kèn (*Derris trifoliata*), Ráng đại (*Acrostichum aureum*)...

Ao, hồ, sông rạch: sinh cảnh có hệ động vật tự bơi khá đa dạng, nhưng thực vật kém đa dạng, thành phần loài chủ yếu lục bình, một vài loài cây cỏ bụi tự nhiên mọc trên bờ ao hồ như cỏ lức (*Pluchea indica*), Sam biển (*Sesuvium portulacastrum*), Lục lông (*Chloris barbata*), Cỏ hôi (*Chromolaena odorata*),

- *Hệ sinh thái nông nghiệp*: bao gồm các sinh cảnh ruộng lúa, ao nuôi thủy sản, vườn. Đây là sinh cảnh nhân tạo chịu tác động trực tiếp của con người với

nhiều hình thức khác nhau: giao thông đi lại, trồng trọt và chăn nuôi, sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu, xây dựng hạ tầng...

**Đa dạng loài:** Trên địa bàn thành phố bên cạnh các loài gây nuôi phổ biến như chó, gà, mèo.... thì cũng có các loài hoang dã được gây nuôi như cá sấu nước ngọt, rắn ráo trâu, le le, trăn đất, rắn hổ mang, dúi mốc, cua đĩnh.

**Bảng 3.2. Bảng thống kê số lượng động vật hoang dã được quản lý**

TT	Tên thông thường	Tên khoa học	Số lượng	Khu vực phân bố
1	Dúi mốc	Rhizomys pruinosus	9	Phường 5
2	Khỉ đuôi dài	Macaca fassicularis	2	Phường 9
3	Le le	Sacselle	150	Phường 6
4	Trăn đất	Python molurus	5	Phường 9: 1 con Phường 3: 4 con
5	Hươu sao	Cervus nippon	2	Phường 3
6	Rắn hổ mang	Naja naja	100	Phường 2
7	Rắn ráo trâu	Ptyas mucosus	20	Phường 7
8	Cá Sấu nước ngọt	Crocodylus siamensis	170	Phường 5
9	Cầy vòi hương	Paradoxurus hermaphroditus	79	Phường 3: 46 con Phường 4: 2 con Phường 6: 17 con Phường 7: 5 con Phường P8: 8 con Phường 9: 2 con
10	Cua đĩnh	Amyda cartilaginea	124	Phường 5: 16 con; Phường 6: 10 con; Phường 7: 50 con; Phường 8: 40 con; Phường 9: 8 con

(Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sóc Trăng, năm 2021)

### **Các đối tượng nhạy cảm về môi trường khu vực thành phố Sóc Trăng:**

Theo Dự án “Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, khu vực chùa Dơi (chùa Mahatup) tại Phường 3, nằm cách trung tâm thành phố Sóc Trăng khoảng 3km về hướng đông nam, là khu quy hoạch bảo tồn đa dạng loài và sinh cảnh. Đồng thời, chùa còn được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích nghệ thuật cấp quốc gia vào năm 1999. Tại đây có quần thể dơi ngựa quý hiếm với số lượng hàng ngàn con, chủ yếu là dơi ngựa Thái Lan (*P. lylei*). Phần lớn cá thể dơi ngựa ở chùa Dơi đậu trên đỉnh cây dầu rái (*Dipterocarpus alatus*), nơi ít lá có thể hứng được ánh sáng mặt trời, mật độ trung bình khoảng 40 – 50 cá thể/cây. Cá thể dơi tại đây thường biến động theo mùa, biến động đột xuất và biến động theo chu kỳ. Tuy nhiên trong những năm gần đây, đã có sự suy giảm về số lượng và thu hẹp phạm vi phân bố của loài dơi này. Một nguyên nhân quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự suy giảm số lượng cá thể của đàn dơi là dơi bị săn bắt trong quá trình đi kiếm ăn và sự thay đổi cơ cấu cây lâu năm trong khu vực Chùa Dơi và vùng lân cận làm ảnh hưởng nguồn thức ăn, đây là tập tính thích nghi bình thường của các loài động vật hoang dã để nâng cao khả năng sống sót và đảm bảo sự tồn tại của quần thể, ô nhiễm môi trường không khí, biến đổi khí hậu và dịch bệnh ít ảnh hưởng đến đàn dơi.

Tại khu vực lân cận dự án không có các khu bảo tồn, các cánh rừng phòng hộ.

### **2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án:**

Tại dự án, nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn sẽ được thoát ra hệ thống thoát nước chung của thành phố Sóc Trăng. Do đó, báo cáo không thực hiện nội dung mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.

### **3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:**

Dự án xây dựng tiểu đoàn 6/Trường quân sự quân khu 9 được xây dựng trong khuôn viên của Trường quân sự quân khu 9 đã được quy hoạch xây dựng hoàn thiện trước đó và hiện đang hoạt động ổn định. Với loại hình là Trụ sở cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị, trụ sở làm việc của các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội và tổ chức khác (theo luật đầu tư công) dự án chủ yếu diễn ra các hoạt động ăn, ở, sinh hoạt, học tập và làm việc cho cán bộ sẽ không làm phát sinh các nguồn thải lớn có nguy cơ gây ô nhiễm đến môi trường khu vực xung quanh. Vì vậy, báo cáo không thực hiện đo đạc, lấy mẫu, phân tích và tổng hợp kết quả để làm rõ sự phù hợp của địa điểm lựa chọn với môi trường tự nhiên khu vực dự án.

## Chương IV ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

### 1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

#### 1.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

- **Nước thải sinh hoạt:** lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án sẽ được thu gom, xử lý bằng công trình hiện hữu của Trường quân sự quân khu 9. Hiện tại, công trình hiện hữu của Trường quân sự quân khu 9 gồm 14 nhà vệ sinh và 154 hố ga thoát nước.

- **Nước thải xây dựng:**

+ Lượng nước phát sinh không nhiều, chủ yếu là nước rửa dụng cụ, máy móc, trộn bê tông. Nước thải này sẽ được thu gom vào các rãnh thoát nước B500 và các hố ga sau đó cùng với nước thải hiện hữu chảy ra các điểm đầu nối với hệ thống thoát nước thành phố Sóc Trăng.

+ Thường xuyên nạo vét rãnh thoát nước để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

#### 1.2. Công trình, biện pháp lưu giữ rác thải rắn

- **Chất thải rắn sinh hoạt:** chủ yếu là bọc nylon, hộp xốp, thực phẩm thừa, chai nhựa,... Đơn vị thi công sẽ bố trí 04 thùng rác 120 lít tại khu vực thi công để thu gom rác thải sinh hoạt của công nhân. Sau đó, rác thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công cùng với rác thải sinh hoạt hiện hữu của dự án (các tiểu đoàn khác của Trường quân sự quân khu 9 đang hoạt động) sẽ được Công ty Cổ phần công trình đô thị Sóc Trăng tại địa phương thu gom và xử lý theo quy định.

- **Chất thải rắn xây dựng (CTRXD):**

+ Đối với vữa xi măng, đá, gạch,... dư thừa sẽ được thu gom toàn bộ và tận dụng san nền tại Dự án.

+ Đơn vị thi công bố trí khu vực có diện tích 40m<sup>2</sup> (dài 8m x rộng 5m) để chứa chất thải rắn xây dựng, khu vực chứa chất thải rắn xây dựng được thiết kế như nhà tiền chế. Chất thải rắn xây dựng sẽ được thu gom vào nhà tiền chế này để lưu chứa. CTRXD có thể tái sử dụng như: vữa xi măng, đá, gạch sẽ được dùng để gia cố lót nền, CTRXD là phế liệu có thể bán sẽ được bán cho đơn vị có nhu cầu thu mua trên địa bàn.

- **Chất thải rắn nguy hại:** đơn vị thi công sẽ thiết kế 01 vị trí tập kết CTNH có diện tích 6 m<sup>2</sup> ( dài 3m x rộng 2m), khu vực tập kết CTNH có nền được trát xi măng, mái và 4 vách được che chắn bằng tôn, vị trí bố trí ở khu vực thoáng mát. Trong nhà chứa CTNH được bố trí 04 thùng rác 120 lít tại khu vực thi công



để thu gom CTNH phát sinh tại dự án và chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **1.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

Các nguồn phát sinh bụi và khí thải trong quá trình xây dựng của dự án bao gồm: Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển và máy móc, thiết bị thi công; Khí thải từ quá trình hàn sắt thép trong quá trình xây dựng; bụi trong quá trình tập kết nguyên vật liệu và thi công xây dựng,...

#### **\* Biện pháp giảm thiểu**

- Các xe chở vật liệu xây dựng phải có tấm bạt che phủ khi vận chuyển nhằm tránh đất đá rơi vãi ngoài đường. Nhà thầu yêu cầu đơn vị vận chuyển thực hiện để bảo vệ môi trường.

- Bố trí tấm chắn xung quanh nơi tập kết nguyên, vật liệu; phủ bạt đối với vật liệu để ngoài trời để hạn chế phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

- Phun nước thường xuyên khu vực phía trước dự án vào mùa khô để hạn chế phát sinh bụi, khu vực thi công được che chắn để hạn chế phát tán bụi.

- Phun xịt nước thường xuyên vào các khu vực tập kết cát, đá để hạn chế phát sinh bụi.

- Công nhân thường xuyên dọn dẹp các vị trí rơi vãi cát, đá do quá trình vận chuyển để hạn chế phát sinh bụi.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu ra vào dự án phải được kiểm định chất lượng đạt tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường, đặc biệt là phải đảm bảo vấn đề phát sinh khí thải trong quá trình hoạt động.

### **1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Để giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung từ máy móc và công trình thi công, chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp sau:

+ Tất cả các phương tiện máy móc thi công phải đạt tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường.

+ Hạn chế thực hiện các công việc phát sinh tiếng ồn cao vào giờ nghỉ ngơi (buổi trưa, ban đêm) như: đóng cọc, đổ bê tông, ... Trong trường hợp ép cừ có thể gây ra rung động lớn do đó cần thực hiện ép cừ tránh giờ nghỉ ngơi của người dân.

+ Tổ chức lao động hợp lý, nhằm tạo ra những khoảng nghỉ không tiếp xúc với độ rung động khoảng từ 20-30 phút và với thời gian tối đa cho một lần làm việc liên tục không quá 4 giờ.

+ Không sử dụng loa phát thanh tại dự án.

+ Trường hợp máy móc, thiết bị gây tiếng ồn lớn: Chủ dự án yêu cầu nhà thầu thay thế thiết bị thi công; máy móc thiết bị hoạt động giữ khoảng cách để tránh hiện tượng cộng hưởng âm; thay thế các thiết bị hư hỏng,...

### **1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác**

#### **- Tai nạn giao thông**

+ Để giảm thiểu tai nạn giao thông do sự gia tăng lượng xe cộ, các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng, chủ dự án phối hợp với chủ thầu xây dựng đưa ra các phương pháp thi công hợp lý, tránh chồng chéo, hạn chế tập kết vật liệu cùng một lúc.

+ Bố trí các bảng hiệu đề thông báo khu vực có công trình đang xây dựng, để các phương tiện vận chuyển giảm tốc độ khi đi vào khu vực. Chủ dự án phối hợp với đơn vị thi công nhắc nhở người điều khiển phương tiện không chuyên chở quá tải, ra vào khu vực dự án phải luôn tuân thủ chấp hành các quy định về điều khiển phương tiện.

+ Vệ sinh mặt đường hàng ngày; phục hồi như hiện trạng ban đầu, để đảm bảo an toàn giao thông.

#### **- Tai nạn lao động**

+ Quy định các nội quy làm việc tại dự án bao gồm: Nội quy ra, vào làm việc tại dự án; nội quy về trang phục bảo hộ lao động; nội quy sử dụng thiết bị nâng cấp; nội quy về an toàn điện; nội quy an toàn giao thông; nội quy an toàn cháy nổ...

+ Các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo trì thường xuyên.

+ Lắp đặt các biển cấm người qua lại tại khu vực nguy hiểm.

+ Bố trí, lắp đặt các biển báo, báo hiệu khu vực đang thi công để hạn chế tối đa người không phận sự tiếp cận khu vực thi công tránh các trường hợp đáng tiếc xảy ra.

+ Có chế độ nghỉ ngơi cho công nhân trong thời gian làm việc.

#### **- Sự cố cháy nổ**

Để phòng ngừa khả năng cháy nổ, các nhà thầu phải hết sức quan tâm và áp dụng đồng bộ các biện pháp về kỹ thuật, tổ chức huấn luyện, tuyên truyền giáo dục, pháp chế. Các biện pháp có thể áp dụng bao gồm:

+ Sắp xếp, bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng và tạo khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

+ Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây ra tia lửa điện phải được bố trí thật an toàn.

+ Không để các thùng chứa nhiên liệu dễ cháy như: dầu, nhớt, xăng,... gần những nơi dễ bắt lửa. Yêu cầu công nhân không vứt tàn thuốc ở những nơi dễ cháy, tại những nơi chứa nhiên liệu dễ cháy phải có biển báo cấm lửa.

+ Bố trí các bình cứu hỏa cầm tay (bình bột, bình CO<sub>2</sub>, cát, hồ nước) ở những vị trí thích hợp nhất để tiện sử dụng, các phương tiện chữa cháy cần được kiểm tra thường xuyên và đảm bảo luôn trong tình trạng sẵn sàng.

+ Ngoài ra nhà thầu sẽ quan tâm đến vấn đề tổ chức ý thức phòng cháy, chống cháy tốt cho toàn thể cán bộ, công nhân thông qua các lớp huấn luyện PCCC.

## 2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

### 2.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

#### 2.1.1. Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt: từ các nhà vệ sinh và căn tin được thoát vào bể tự hoại bố trí trong tầng khối nhà, sau đó để đảm bảo chất lượng nước thải trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của thành phố Sóc Trăng sẽ đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, chủ dự án sẽ đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

Thể tích bể tự hoại :  $V_{\text{Bê}} = V_{\text{Nước}} + V_{\text{Bùn}}$

Trong đó:  $V_{\text{Nước}} = k \times Q$

k : hệ số lưu lượng, chọn k = 1

Q : lưu lượng nước thải

(lưu lượng nước thải tại dự án là 56 m<sup>3</sup>/ngày.đêm)

$\Rightarrow V_{\text{nước}} = 1 \times 56 = 56 \text{ m}^3$ .

Thể tích bùn được tính theo công thức sau:

$$V_{\text{bùn}} = \frac{m.N.t.(100 - P_1) .0,7.1,2.(100-P_2)}{100.000}$$

Trong đó:

+ m: tiêu chuẩn cặn lắng cho 1 người (0,4 - 0,5 l/người.ngày.đêm) chọn m = 0,45;

+ N: số người = 700 người;

+ t: thời gian tích lũy cặn lắng trong bể tự hoại (180 – 365 ngày.đêm) chọn t = 180;

+ 0,7: Hệ số tính đến 30 % cặn để phân giải;

+ 1,2: Hệ số tính đến 20 % cặn giữ lại;

- + P<sub>1</sub>: độ ẩm trung bình của cặn tươi = 95% ;
- + P<sub>2</sub>: độ ẩm trung bình của cặn trong bể tự hoại = 90%.

$$\Rightarrow V_{\text{bùn}} = \frac{0,45 \times 700 \times 180 (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - 90)}{100.000} = 23,81 \text{ m}^3.$$

Vậy tổng thể tích bể tự hoại là:  $V_{\text{Bê}} = 56 + 23,81 = 79,81 \text{ m}^3$ .

### ***Quy trình hoạt động của bể tự hoại***

- Ngăn chứa phân: Có kích thước lớn nhất (chiếm 50%), đây là nơi tích trữ phân. Phần bùn và các váng nổi bọt bị giữ lại bên ngăn chứa phân.

- Ngăn lọc: Nước thải sau khi qua ngăn chứa được dẫn vào ngăn lọc bằng các lỗ thông trên vách.

- Ngăn khử mùi: Chứa than, nước từ ngăn lọc đi ngược lên trên qua than sẽ bị hấp thu mùi hôi trước khi xả ra bên ngoài.

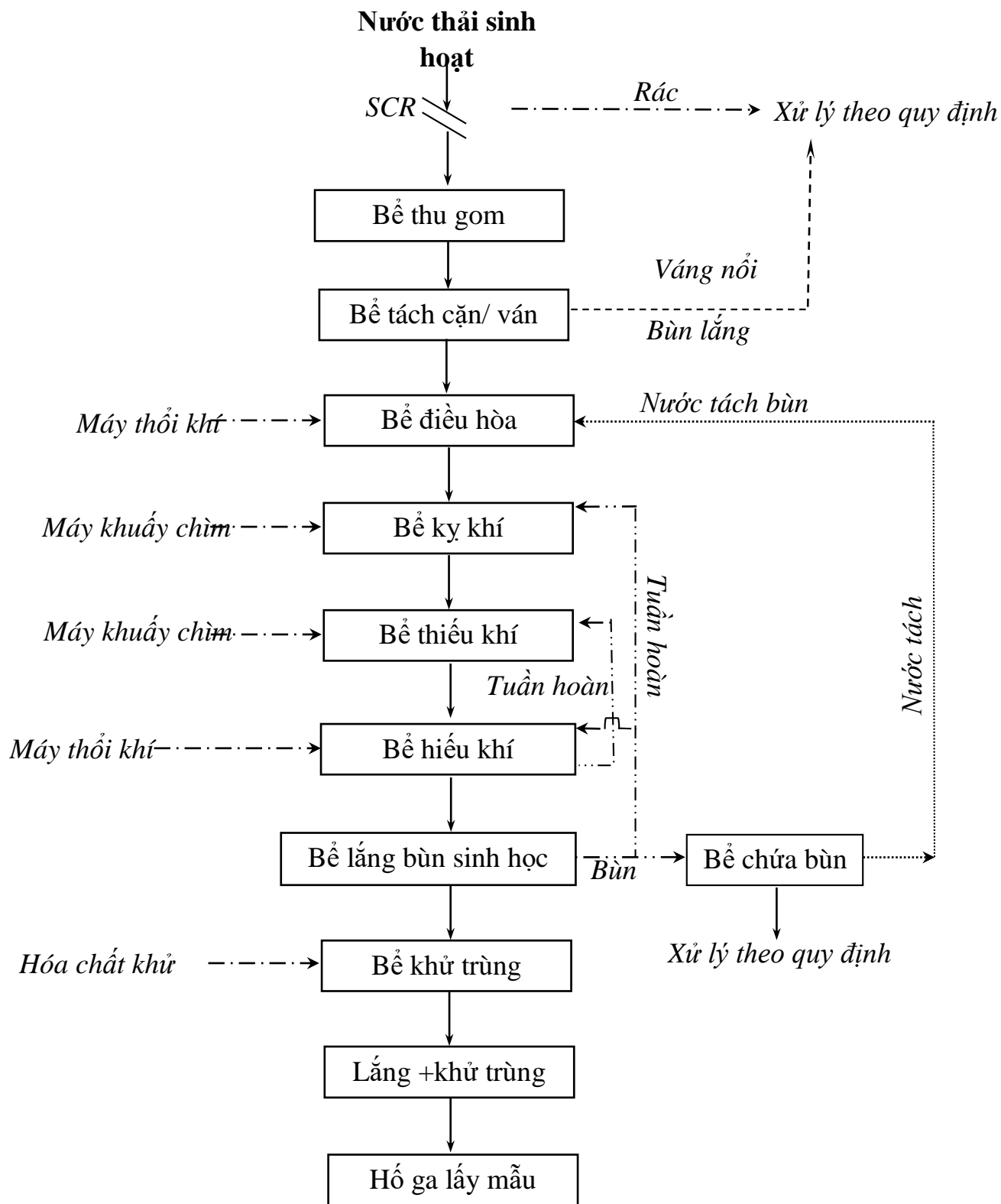
Hiệu suất xử lý cặn được giữ lại trong đáy bể từ 03 – 06 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan.

Nước thải ở trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí phát sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Sau khi qua bể tự hoại thì hàm lượng các chất ô nhiễm BOD<sub>5</sub>, COD và SS giảm đáng kể (40 – 50%). Thời gian lưu nước trong bể khoảng 20 ngày thì 95% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể.

Khoảng 06 tháng/lần cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng hút bùn ra khỏi bể để mang đi xử lý, nhưng để lại khoảng 20% để giúp cho việc lên men.

Nước thải phát sinh sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, làm giảm nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải. Để tăng hiệu suất xử lý của bể tự hoại trong quá trình sử dụng hàm thì chủ dự án sẽ sử dụng chế phẩm sinh học (các chế phẩm rất đa dạng trên thị trường như: Bio – Phốt, Clean Water WC, EcoClean,...) để thúc đẩy quá trình phân huỷ yếm khí các chất hữu cơ diễn ra nhanh, qua đó làm giảm đáng kể nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt, liều lượng sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại sẽ qua hệ thống xử lý như sau:



**Nước thải sau xử lý đạt**  
**QCVN 14:2008/BTNMT – Cột B**

## ***Thuyết minh công nghệ***

Nước thải theo hệ thống đường ống thu gom dẫn về hệ thống xử lý. Đầu tiên nước thải được dẫn qua song chắn rác nhằm giữ lại các vật thể rắn có trong nước thải, tránh các sự cố về máy bơm (nghẹt bơm, gãy cánh bơm...) đồng thời làm giảm một phần lượng TSS và COD. Các chất thải rắn bị giữ lại tại song chắn rác được xử lý theo quy định. Nước thải sau đó tự chảy vào bể thu gom nước thải được bơm vào bể tách cặn – ván nổi.

Tại bể tách cặn – ván nổi, nước thải được loại bỏ các cặn lắng và ván nổi trên bề mặt trước khi tự chảy vào bể vào điều hòa.

Bể điều hòa có tác dụng điều hòa lưu lượng và nồng độ của nước thải (do tại các thời điểm khác nhau, nước thải có tính chất khác nhau). Trong bể điều hòa có lắp đặt hệ thống sục khí. Hệ thống này giúp đảo trộn, đồng nhất nước thải ở mọi thời điểm, đồng thời ngăn ngừa quá trình phân hủy yếm khí gây mùi hôi.

Nước thải từ bể điều hòa được bơm với lưu lượng ổn định vào cụm bể xử lý sinh học AAO (gồm bể kỵ khí → bể thiếu khí → bể hiếu khí) kết hợp với sử dụng giá thể vi sinh – Giá thể vi sinh lơ lửng (MBBR) được thiết kế để tối ưu hoá quá trình xử lý sinh học AAO (đặc biệt đối với quá trình nitrát hoá). Cấu trúc tối ưu cho quá trình tách bùn vi sinh và dòng nước tuần hoàn. Các vi sinh vật sử dụng các chất hữu cơ ( $BOD_5$ , COD), cặn rắn lơ lửng (SS), Nitơ, Phospho,... sẽ được chuyển hóa tạo thành  $CO_2$ ,  $H_2O$ ,  $N_2$ , sinh khối mới và năng lượng cung cấp cho quá trình sinh trưởng, phát triển của chúng. Nước thải từ bể hiếu khí được bơm tuần hoàn lại để xử lý nitơ và phospho.

Nước thải sau xử lý sinh học tự chảy sang bể lắng. Bể lắng tách bùn và nước ra làm 2 phần riêng biệt. Ra khỏi bể lắng, nước thải tiếp tục chảy vào bể khử trùng.

Tại bể khử trùng, hóa chất khử trùng được châm vào đầu bể và được trộn đều với nước thải nhằm tiêu diệt vi sinh gây bệnh có trong nước thải một cách triệt để trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung của thành phố Sóc Trăng.

Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT.

### **2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:**

Khí thải phát sinh tại dự án chủ yếu từ các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án. Khí thải phát sinh chủ yếu gồm: Bụi, CO,  $NO_x$ ,  $SO_2$ ,... Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau để giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh:

- + Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.
- + Thường xuyên quét dọn vệ sinh sạch sẽ sân, hành lang,...

### **2.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn**

**\* Chất thải rắn sinh hoạt:**

Bố trí 12 thùng chứa rác sinh hoạt có nắp đậy (loại 240 lít) trong khu viên dự án để thu gom và phân loại rác thải sinh hoạt phát sinh. Chủ dự án hợp đồng với Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng. Hằng ngày, sẽ có xe của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

**\* Chất thải nguy hại:**

- Bố trí thêm 02 thùng chứa rác thải nguy hại cho dự án (loại 240 lít) có dán nhãn cảnh báo CTNH, đặt tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại hiện hữu của trường quân sự quân khu 9.

- Thực hiện quản lý, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ 1 năm/lần thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại Trường quân sự quân khu 9.

## **2.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khi dự án đi vào vận hành**

### **2.4.1. Sự cố cháy nổ**

Để phòng chống cháy nổ chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của các học viên (chiến sĩ), cán bộ về các khả năng gây cháy nổ và các ảnh hưởng khi xảy ra sự cố cháy nổ.

- Phối hợp với ngành chức năng tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy tốt cho đội bảo vệ và trang bị các phương tiện chữa cháy để phục vụ cho công tác chữa cháy khi có sự cố.

- Ngoài ra, khi có cháy xảy ra chủ dự án thực hiện khẩn trương các công việc để giải quyết sự cố cháy nổ như sau:

+ Báo động cháy (tự động, keng, tri hô).

+ Cắt điện khu vực cháy.

+ Tổ chức cứu người bị nạn, tổ chức giải thoát cho người và di chuyển tài sản ra khỏi khu vực cháy.

+ Tổ chức lực lượng sử dụng phương tiện chữa cháy tại chỗ để cứu chữa đám cháy.

+ Gọi điện báo cháy cho đội chữa cháy chuyên nghiệp gần nhất hoặc báo về trung tâm chữa cháy.

+ Bảo vệ ngăn chặn phần tử xấu lợi dụng chữa cháy để lấy cắp tài sản, giữ gìn trật tự phục vụ chữa cháy thuận lợi.

+ Hướng dẫn đường nơi đỗ xem nguồn nước chữa cháy cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp khi tới hỗ trợ.

+ Phối hợp chặt chẽ với lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp cứu chữa đám cháy; Triển khai lực lượng bảo vệ hiện trường cháy sau khi dập tắt đám cháy.

### 2.4.2. Sự cố chập điện

- Hệ thống đường dây tải điện trong khu vực dự án được bảo vệ an toàn. Thiết kế hệ thống lưới điện đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành, kiểm tra định kỳ hệ thống lưới điện, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị điện, tuyên truyền sử dụng điện an toàn, tiết kiệm điện.

- Chủ dự án trang bị hệ thống chống sét để phòng tránh tia lửa điện ảnh hưởng đến thiết bị điện, hệ thống lưới điện tại dự án. Định kỳ kiểm tra, bảo trì, thay thế thiết bị hư hỏng của hệ thống chống sét.

### 3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Các biện pháp trình bày trong báo cáo được áp dụng sẽ giảm thiểu được các tác động tiêu cực đến môi trường khu vực dự án. Các biện pháp dễ thực hiện, tính khả thi cao. Phương án tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường của dự án như sau:

**Bảng 4.1 Thực hiện các công trình bảo vệ môi trường**

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các nguồn thải	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện	Tổ chức quản lý và vận hành
Giai đoạn xây dựng	Chất thải rắn sinh hoạt	Bố trí 04 thùng rác 120 lít tại khu vực thi công để thu gom rác thải sinh hoạt của công nhân. Sau đó, rác thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công cùng với rác thải sinh hoạt hiện hữu của dự án (các tiểu đoàn khác của Trường quân sự quân khu 9 đang hoạt động) sẽ được Công ty Cổ phần công trình đô thị Sóc Trăng tại địa phương thu gom và xử lý theo quy định.	5	Trong suốt quá trình thi công	Chủ dự án, đơn vị thi công
	Chất thải rắn xây dựng	+ Đối với vữa xi măng, đá, gạch,... dư thừa sẽ được thu gom toàn bộ và tận dụng san nền tại Dự án. + Đơn vị thi công bố trí khu vực có diện tích 40m <sup>2</sup> (dài 8m x rộng 5m) để chứa chất thải rắn xây dựng, khu vực chứa chất thải rắn xây dựng được thiết kế như nhà tiền chế. Chất thải rắn xây dựng sẽ được thu gom vào nhà tiền	10	Trong suốt quá trình thi công	Chủ dự án, đơn vị thi công



Giai đoạn hoạt động của dự án	Các nguồn thải	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện	Tổ chức quản lý và vận hành
		chế này để lưu chứa. CTRXD có thể tái sử dụng như: vữa xi măng, đá, gạch sẽ được dùng để gia cố lót nền, CTRXD là phế liệu có thể bán sẽ được bán cho đơn vị có nhu cầu thu mua trên địa bàn.			
	Chất thải nguy hại	Thiết kế 01 vị trí tập kết CTNH có diện tích 6 m <sup>2</sup> ( dài 3m x rộng 2m), khu vực tập kết CTNH có nền được trán xi măng, mái và 4 vách được che chắn bằng tôn, vị trí bố trí ở khu vực thoáng mát. Trong nhà chứa CTNH được bố trí 04 thùng rác 120 lít tại khu vực thi công để thu gom CTNH phát sinh tại dự án và chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	10	Trong suốt quá trình thi công	Chủ dự án, đơn vị thi công
	Nước mưa chảy tràn	Sử dụng rãnh thoát nước tạm, tự chảy từ nơi cao đến nơi thấp và chảy đến hệ thống thoát nước mưa hiện hữu; Bố trí tập kết nguyên vật liệu ở khu vực cao.	-	Trong suốt quá trình thi công	Chủ dự án, đơn vị thi công
	Nước thải sinh hoạt	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án sẽ được thu gom, xử lý bằng công trình hiện hữu của Trường quân sự quân khu 9. Hiện tại, công trình hiện hữu của Trường quân sự quân khu 9 gồm 14 nhà vệ sinh và 154 hố ga thoát nước.	-	Trong suốt quá trình thi công	Chủ dự án, đơn vị thi công
	Nước thải xây dựng	+ Lượng nước phát sinh không nhiều, chủ yếu là nước rửa dụng cụ, máy móc, trộn bê tông. Nước thải này sẽ được thu gom vào các rãnh thoát nước B500 và các hố ga sau đó cùng với nước thải hiện hữu chảy ra các điểm đầu nối với hệ thống thoát nước thành	-	Trong suốt quá trình thi công	Chủ dự án, đơn vị thi công

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các nguồn thải	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện	Tổ chức quản lý và vận hành
		phố Sóc Trăng. + Thường xuyên nạo vét rãnh thoát nước để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.			
	Bụi, khí thải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các xe chở vật liệu xây dựng phải có tấm bạt che phủ khi vận chuyển nhằm tránh đất đá rơi vãi ngoài đường. Nhà thầu yêu cầu đơn vị vận chuyển thực hiện để bảo vệ môi trường.</li> <li>- Bố trí tấm chắn xung quanh nơi tập kết nguyên, vật liệu; phủ bạt đối với vật liệu để ngoài trời để hạn chế phát tán bụi ra môi trường xung quanh.</li> <li>- Phun nước thường xuyên khu vực phía trước dự án vào mùa khô để hạn chế phát sinh bụi, khu vực thi công được che chắn để hạn chế phát tán bụi.</li> <li>- Phun xịt nước thường xuyên vào các vực tập kết cát, đá để hạn chế phát sinh bụi.</li> <li>- Công nhân thường xuyên dọn dẹp các vị trí rơi vãi cát, đá do quá trình vận chuyển để hạn chế phát sinh bụi.</li> <li>- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào dự án phải được kiểm định chất lượng đạt tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường, đặc biệt là phải đảm bảo vấn đề phát sinh khí thải trong quá trình hoạt động.</li> </ul>	-	Trong suốt quá trình thi công	Chủ dự án, đơn vị thi công
	Tiếng ồn và độ rung	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tất cả các phương tiện máy móc thi công phải đạt tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường.</li> <li>+ Hạn chế thực hiện các công việc phát sinh tiếng ồn cao vào giờ nghỉ ngơi (buổi trưa, ban đêm) như: đóng cọc, đổ bê tông,... Trong trường hợp ép cừ có thể gây ra rung động lớn do</li> </ul>	-	Trong suốt quá trình thi công	Chủ dự án, đơn vị thi công

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các nguồn thải	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện	Tổ chức quản lý và vận hành
		<p>đó cần thực hiện ép cù tránh giờ nghỉ ngơi của người dân.</p> <p>+ Tổ chức lao động hợp lý, nhằm tạo ra những khoảng nghỉ không tiếp xúc với độ rung động khoảng từ 20-30 phút và với thời gian tối đa cho một lần làm việc liên tục không quá 4 giờ.</p> <p>+ Không sử dụng loa phát thanh tại dự án.</p> <p>+ Trường hợp máy móc, thiết bị gây tiếng ồn lớn: Chủ dự án yêu cầu nhà thầu thay thế thiết bị thi công; máy móc thiết bị hoạt động giữ khoảng cách để tránh hiện tượng cộng hưởng âm; thay thế các thiết bị hư hỏng,...</p>			
	Sự cố, rủi ro	<p><b>- Tai nạn giao thông:</b> Để giảm thiểu tai nạn giao thông do sự gia tăng lượng xe cộ, các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng, chủ dự án phối hợp với chủ thầu xây dựng đưa ra các phương pháp thi công hợp lý, tránh chồng chéo, hạn chế tập kết vật liệu cùng một lúc; Bố trí các bảng hiệu để thông báo khu vực có công trình đang xây dựng, để các phương tiện vận chuyển giảm tốc độ khi đi vào khu vực. Chủ dự án phối hợp với đơn vị thi công nhắc nhở người điều khiển phương tiện không chuyên chở quá tải, ra vào khu vực dự án phải luôn tuân thủ chấp hành các quy định về điều khiển phương tiện; Vệ sinh mặt đường hàng ngày; phục hồi như hiện trạng ban đầu, để đảm bảo an toàn giao thông.</p> <p><b>- Tai nạn lao động:</b> Quy định các nội quy làm việc tại dự án bao gồm: Nội quy ra, vào làm việc tại dự án; nội quy về trang phục bảo hộ lao động; nội quy sử dụng thiết bị nâng cấp; nội</p>	-	Trong suốt quá trình thi công	Chủ dự án, đơn vị thi công

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các nguồn thải	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện	Tổ chức quản lý và vận hành
		<p>quy về an toàn điện; nội quy an toàn giao thông; nội quy an toàn cháy nổ...; Các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo trì thường xuyên; Lắp đặt các biển cấm người qua lại tại khu vực nguy hiểm; Bố trí, lắp đặt các biển báo, báo hiệu khu vực đang thi công để hạn chế tối đa người không phận sự tiếp cận khu vực thi công tránh các trường hợp đáng tiếc xảy ra; Có chế độ nghỉ ngơi cho công nhân trong thời gian làm việc.</p> <p><b>- Sự cố cháy nổ:</b> Để phòng ngừa khả năng cháy nổ, các nhà thầu phải hết sức quan tâm và áp dụng đồng bộ các biện pháp về kỹ thuật, tổ chức huấn luyện, tuyên truyền giáo dục, pháp chế. Các biện pháp có thể áp dụng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sắp xếp, bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng và tạo khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra.</li> <li>+ Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây ra tia lửa điện phải được bố trí thật an toàn.</li> <li>+ Không để các thùng chứa nhiên liệu dễ cháy như: dầu, nhớt, xăng,... gần những nơi dễ bắt lửa. Yêu cầu công nhân không vứt tàn thuốc ở những nơi dễ cháy, tại những nơi chứa nhiên liệu dễ cháy phải có biển báo cấm lửa.</li> <li>+ Bố trí các bình cứu hỏa cầm tay (bình bột, bình CO<sub>2</sub>, cát, hồ nước) ở những vị trí thích hợp nhất để tiện sử dụng, các phương tiện chữa cháy cần được kiểm tra thường xuyên và đảm bảo luôn trong tình trạng sẵn sàng.</li> <li>+ Ngoài ra nhà thầu sẽ quan tâm đến vấn đề tổ chức ý thức phòng cháy,</li> </ul>			

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các nguồn thải	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện	Tổ chức quản lý và vận hành
		chống cháy tốt cho toàn thể cán bộ, công nhân thông qua các lớp huấn luyện PCCC.			
Giai đoạn hoạt động	Chất thải rắn sinh hoạt	Bố trí 12 thùng chứa rác sinh hoạt có nắp đậy (loại 240 lít) trong khu viên dự án để thu gom và phân loại rác thải sinh hoạt phát sinh. Chủ dự án hợp đồng với Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng. Hằng ngày, sẽ có xe của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.	5	Trong quá trình hoạt động	Trường Quân sự quân khu 9
	Chất thải nguy hại	- Bố trí thêm 02 thùng chứa rác thải nguy hại cho dự án (loại 240 lít) có dán nhãn cảnh báo CTNH, đặt tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại hiện hữu của trường quân sự quân khu 9. - Thực hiện quản lý, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ 1 năm/lần thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại Trường quân sự quân khu 9.	3	Trong quá trình hoạt động	Trường Quân sự quân khu 9
	Nước thải sinh hoạt	Xử lý bằng bể tự hoại có tổng thể tích 79,81 m <sup>3</sup> . Sau khi qua bể tự hoại, nước thải sinh hoạt sẽ tiếp tục được dẫn tiếp vào hệ thống xử lý nước thải chung của Trường quân sự quân khu 9.	-	Trong quá trình hoạt động	Trường Quân sự quân khu 9

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các nguồn thải	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện	Tổ chức quản lý và vận hành
	Sự cố, rủi ro	<p><b>Sự cố cháy nổ:</b> Để phòng chống cháy nổ chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của các học viên (chiến sĩ), cán bộ về các khả năng gây cháy nổ và các ảnh hưởng khi xảy ra sự cố cháy nổ.</li> <li>- Phối hợp với ngành chức năng tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy tốt cho đội bảo vệ và trang bị các phương tiện chữa cháy để phục vụ cho công tác chữa cháy khi có sự cố.</li> <li>- Ngoài ra, khi có cháy xảy ra chủ dự án thực hiện khẩn trương các công việc để giải quyết sự cố cháy nổ như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Báo động cháy (tự động, keng, tri hô).</li> <li>+ Cắt điện khu vực cháy.</li> <li>+ Tổ chức cứu người bị nạn, tổ chức giải thoát cho người và di chuyển tài sản ra khỏi khu vực cháy.</li> <li>+ Tổ chức lực lượng sử dụng phương tiện chữa cháy tại chỗ để cứu chữa đám cháy.</li> <li>+ Gọi điện báo cháy cho đội chữa cháy chuyên nghiệp gần nhất hoặc báo về trung tâm chữa cháy.</li> <li>+ Bảo vệ ngăn chặn phần tử xấu lợi dụng chữa cháy để lấy cắp tài sản, giữ gìn trật tự phục vụ chữa cháy thuận lợi.</li> <li>+ Hướng dẫn đường nơi đỗ xem nguồn nước chữa cháy cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp khi tới hỗ trợ.</li> <li>+ Phối hợp chặt chẽ với lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp cứu chữa đám cháy; Triển khai lực lượng bảo</li> </ul> </li> </ul>	-	Trong quá trình hoạt động	Trường Quân sự quân khu 9

Giai đoạn hoạt động của dự án	Các nguồn thải	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện	Tổ chức quản lý và vận hành
		<p>vệ hiện trường cháy sau khi dập tắt đám cháy.</p> <p><b>Sự cố chập điện:</b> Hệ thống đường dây tải điện trong khu vực dự án được bảo vệ an toàn. Thiết kế hệ thống lưới điện đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành, kiểm tra định kỳ hệ thống lưới điện, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị điện, tuyên truyền sử dụng điện an toàn, tiết kiệm điện; Chủ dự án trang bị hệ thống chống sét để phòng tránh tia lửa điện ảnh hưởng đến thiết bị điện, hệ thống lưới điện tại dự án. Định kỳ kiểm tra, bảo trì, thay thế thiết bị hư hỏng của hệ thống chống sét.</p>			

Trường quân sự quân khu 9 sẽ quan tâm thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường tại dự án; thực hiện nghiêm túc việc trang bị, đảm bảo các điều kiện hoạt động trong công tác phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, xử lý chất thải,...

#### 4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Báo cáo sử dụng các phương pháp phổ biến có mức độ tin cậy cao, đánh giá và dự báo chi tiết được các nguồn phát thải và mức độ ảnh hưởng của các tác động này đến môi trường. Các công thức, hệ số tính được tham khảo bởi các giáo trình, nghiên cứu khoa học đã được công nhận.





+ Giá trị giới hạn đối với độ rung: QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

**Bảng 5.2. Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ**

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực thông thường	70	60

## Chương VI

# CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

#### 1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở:

**Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

TT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian	
		Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Hệ thống xử lý nước thải	09/2023	12/2023

#### 1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Dự án không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3, Phụ lục 2 ban hành theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP nên việc quan trắc nước thải của dự án sẽ lấy 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

Đơn vị thực hiện việc lấy mẫu theo kế hoạch: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Sóc Trăng

**Bảng 6.2. Kế hoạch lấy mẫu nước thải trước và sau hệ thống xử lý nước thải**

STT	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Chỉ tiêu	Quy chuẩn so sánh
1	Trước hệ thống xử lý	25/12/2023	pH, TDS, TSS, BOD <sub>5</sub> , Amoni, Phosphat, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Sunfua, Tổng Coliforms	Cột B, QCVN 14:2008/BTNMT
2	Sau hệ thống xử lý	26/12/2023	pH, TDS, TSS, BOD <sub>5</sub> , Amoni, Phosphat, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Sunfua, Tổng Coliforms	Cột B, QCVN 14:2008/BTNMT

### 2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

#### Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

\* **Nước thải:** Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải được

quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

\* **Bụi, khí thải:** Loại hình cơ sở không phát sinh khí thải, do đó cơ sở không thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.

\* **Chất thải rắn sinh hoạt:** Thống kê khối lượng và phân loại chất thải rắn sinh hoạt.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

\* **Chất thải nguy hại:** Thống kê khối lượng, phân loại, dán nhãn của từng loại CTNH phát sinh và báo cáo 1 năm/lần về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng theo quy định.

**3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm. (Không có)**

## **Chương VII**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Trường quân sự quân khu 9 cam kết thực hiện những nội dung sau để hoạt động của Trường quân sự hạn chế những tác động xấu đến môi trường:

- Cam kết thực hiện những nội dung về bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo, đặc biệt là các nội dung về xử lý chất thải, xử lý các vấn đề môi trường, kế hoạch quản lý môi trường.

- Thực hiện đầy đủ, hoàn thiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường;

- Cam kết thực hiện đúng chế độ báo cáo theo quyết định phê duyệt báo cáo.

- Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến dự án, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của dự án.

**BỘ QUỐC PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4420**/QĐ-BQP

Hà Nội, ngày **08** tháng **12** năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án công trình phổ thông năm 2022 của Quân khu 9**

TRƯỞNG QUÂN SƯ QUÂN KHU 9  
ĐẾN Số: **2227**  
Ngày: **18/12/21**  
Chuyên:

VĂN PHÒNG QUÂN KHU 9  
ĐẾN Số: **7693A1**  
Ngày: **18/12/21**  
Chuyên:

**BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG**

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BQP;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 128/2021/TT-BQP ngày 01/10/2021 của Bộ Quốc phòng quy định về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư công trong Bộ Quốc phòng;

Thực hiện Quyết định số 2826/QĐ-BQP ngày 23/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt danh mục, hạn mức đầu tư và bố trí vốn cho các dự án mở mới năm 2022 (công trình phổ thông) thuộc Kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2021-2025 nguồn vốn ngân sách quốc phòng;

Theo đề nghị của Tư lệnh Quân khu 9 tại các Tờ trình: Số 2843/TTr-QK ngày 04/10/2021, số 2844/TTr-QK ngày 06/10/2021, số 2909, 2910/TTr-QK ngày 08/10/2021; Cục trưởng Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP tại Báo cáo thẩm định số **7827**/BC-KHĐT ngày 30 tháng 11 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án công trình phổ thông năm 2022 của Quân khu 9. (Chi tiết như Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

1. BTL Quân khu 9 chỉ đạo các Chủ đầu tư căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 và Báo cáo thẩm định của Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP tổ chức lập dự án, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, triển khai thực



hiện theo đúng quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng về quản lý đầu tư và xây dựng; thực hiện chức năng cơ quan quản lý cấp trên của Chủ đầu tư theo đúng quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

2. Các cơ quan chức năng liên quan của Bộ Quốc phòng hướng dẫn Chủ đầu tư triển khai các nội dung tiếp theo của dự án đúng quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng về quản lý đầu tư và xây dựng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tư lệnh Quân khu 9 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Đ/c Thứ trưởng Vũ Hải Sản;
- BTL Quân khu 9;
- BTM, TQS/QK9;
- Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Sóc Trăng;
- Sư đoàn 4, 8/QK9;
- Lữ đoàn 29, 416/QK9;
- C41, C46, C54;
- Lưu: VT, THBD. NVD 15.

**BỘ TRƯỞNG**



**Đại tướng Phan Văn Giang**

Phụ lục

**CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH PHỔ THÔNG NĂM 2022 CỦA QUẬN KHU 9**

(Kèm theo Quyết định số 4420 /QĐ-BQP ngày 08/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

*(Chữ ký)*

Số TT	Tên dự án, công trình	Cấp QĐ đầu tư	Chủ đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư (tr. đồng)	Nguồn vốn	Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án
1	Doanh trại Trung đoàn 10; Xoá nhà cấp IV HHSD, XCN các hạng mục thuộc Sư đoàn BB4/Sư đoàn 4/Quân khu 9	Quân khu 9	Sư đoàn 4	Nhằm bảo đảm nhu cầu ăn, ở, sinh hoạt, làm việc, huấn luyện chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu góp phần xây dựng đơn vị chính quy, hiện đại	- Các hạng mục công trình chính, tổng diện tích sàn khoảng 1.705m <sup>2</sup> , bao gồm: Nhà SCH Trung đoàn; Nhà ở cơ quan/Trung đoàn; Nhà ăn 80 chỗ; Nhà trực ban; Nhà Đại đội bảo quản/Phòng Kỹ thuật. - Hạ tầng kỹ thuật đồng bộ	C	22.500	NSQP	Ấp Thuận Tiến, xã Bình Sơn, huyện Hòa Đất, tỉnh Kiên Giang	2022- 2023
2	Xây dựng Đại đội 572/Tiêu đoàn 145/Lữ đoàn 226/Quân khu 9	Quân khu 9	Lữ đoàn 226	Nhằm bảo đảm nhu cầu ăn, ở, sinh hoạt, làm việc, huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu của đơn vị pháo phòng không, góp phần xây dựng đơn vị chính quy, hiện đại và tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.	- Các hạng mục kiến trúc tổng diện tích khoảng 1.808 m <sup>2</sup> gồm: Nhà ở và làm việc BCH Đại đội; Nhà ở chiến sỹ 02 trung đội và tiểu đội chi huy; Nhà ăn 80 chỗ; Nhà vệ sinh 10 hố; Nhà vệ sinh 4 hố; Nhà để xe pháo; Nhà để xe máy. - Hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; doanh cụ: bộ sung mới.	C	23.000	NSQP	Đường Lưu Nhơn Sâm, khóm Đông Bình A, Phường Đông Thuận, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	2022- 2023




Số TT	Tên dự án, công trình	Cấp QĐ đầu tư	Chủ đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Nguồn vốn	Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án
3	Cải tạo phòng họp trung tâm SCH Sư đoàn 8; Xóa nhà cấp IV hết hạn sử dụng, xuống cấp nặng các hạng mục thuộc Sư đoàn 8/Quân khu 9	Quân khu 9	Sư đoàn 8	Nhằm bảo đảm nhu cầu ăn, ở, sinh hoạt, làm việc, hội họp và sẵn sàng chiến đấu góp phần xây dựng đơn vị chính quy, hiện đại và tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp	- Cải tạo phòng họp trung tâm SCH Sư đoàn 8: Diện tích sàn cải tạo khoảng 650m <sup>2</sup> ; - Xây mới: Nhà ở cơ quan Phòng Tham mưu-Kỹ thuật Sư đoàn, diện tích sàn khoảng 642m <sup>2</sup> ; Nhà ở cơ quan Phòng Hậu cần Sư đoàn, diện tích sàn khoảng 262m <sup>2</sup> .	C	11.000	NSQP	Bình Đức, Châu Thành, Tiền Giang	2022
4	Xây dựng mới nhà ăn Đại đội trực thuộc, Phòng HCM Tiểu đoàn 9, Bệnh xá Lữ đoàn/Lữ đoàn 416/Quân khu 9	Quân khu 9	Lữ đoàn 416	Nhằm bảo đảm nhu cầu ăn, ở, sinh hoạt, làm việc, huấn luyện chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu góp phần xây dựng đơn vị chính quy, hiện đại	- Xây dựng mới: Nhà ăn Đại đội trực thuộc, diện tích sàn khoảng 420 m <sup>2</sup> ; Phòng Hồ Chí Minh đ9, diện tích sàn khoảng 240 m <sup>2</sup> ; Bệnh xá Lữ đoàn, diện tích sàn khoảng 372 m <sup>2</sup> ; - Bổ sung doanh cụ, thiết bị.	C	9.600	NSQP	Thị trấn Chi Lăng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang	2022



Số TT	Tên dự án, công trình	Cấp QĐ đầu tư	Chủ đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Nguồn vốn	Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án
5	Xóa nhà cấp IV hết niên hạn sử dụng, xuống cấp nặng các hạng mục thuộc Bộ Tham mưu	Quản khu 9	Bộ Tham mưu	Nhằm bảo đảm nhu cầu kho chứa vật chất trang bị cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc Quân khu đảm bảo huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu của cơ quan, đơn vị, góp phần xây dựng đơn vị chính quy, hiện đại và tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp	- Xây mới: Nhà kho, diện tích sàn khoảng 388 m <sup>2</sup> ; - Hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.	C	3.500	NSQP	Đường Cách Mạng tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, Thành Phố Cần Thơ	2022
6	Xóa nhà cấp IV hết niên hạn sử dụng, xuống cấp nặng các hạng mục thuộc Lữ đoàn 29/Quản khu 9	Quản khu 9	Lữ đoàn 29	Nhằm bảo đảm nhu cầu ăn, ở, sinh hoạt, làm việc góp phần xây dựng đơn vị chính quy, hiện đại và tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp	- Trạm thông tin Núi Sập, tổng diện tích sàn khoảng 102m <sup>2</sup> , bao gồm: Nhà ở và làm việc; Nhà vệ sinh 02 ngăn/TT. - Khu sân xuất Bà Lâm, tổng diện tích sàn khoảng 149m <sup>2</sup> , bao gồm: Nhà ở và làm việc; Nhà vệ sinh 02 ngăn/TT	C	2.400	NSQP	Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; Xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	2022

Số TT	Tên dự án, công trình	Cấp QĐ đầu tư	Chủ đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Nguồn vốn	Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án
7	Xóa nhà cấp IV hết hạn sử dụng, xuống cấp nặng các hạng mục thuộc Bộ CHQS tỉnh Cà Mau/Quận khu 9	Quận khu 9	Bộ CHQS tỉnh Cà Mau	Nhằm bảo đảm nhu cầu ăn, ở, sinh hoạt, làm việc, huấn luyện chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu góp phần xây dựng đơn vị chính quy, hiện đại và tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp	- Xây dựng mới nhà ở học viên e896, diện tích sàn khoảng 130 m <sup>2</sup> . - Nhà ở cán bộ/Bộ Chỉ huy Quận sự tỉnh Cà Mau, diện tích sàn khoảng 370 m <sup>2</sup>	C	4.500	NSQP	Đường Lý Thường Kiệt, nhóm 7; Đường 3/2, nhóm 4 phường 6, TP Cà Mau	2022
8	Cải tạo, xây mới Tiểu đoàn Đặc công/Bộ Tham mưu/Quân khu 9	Bộ Quốc phòng	Bộ Tham mưu	Đầu tư xây dựng doanh trại Tiểu đoàn Đặc công nhằm bảo đảm nhu cầu ăn, ở, sinh hoạt, làm việc, huấn luyện chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu góp phần xây dựng đơn vị chính quy, hiện đại và tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp	- Các hạng mục công trình chính, tổng diện tích sàn khoảng 2894m <sup>2</sup> , bao gồm: Nhà làm việc chỉ huy Tiểu đoàn; Phòng Hồ Chí Minh; Nhà ăn Tiểu đoàn; Nhà ở Đại đội Đặc công. - Hạ tầng kỹ thuật, doanh cụ, thiết bị đồng bộ	C	32.000	NSQP	Phường Đông Bình, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	2022-2023



Số TT	Tên dự án, công trình	Cấp QĐ đầu tư	Chủ đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Nguồn vốn	Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án
9	Xây dựng doanh trại Tiểu đoàn 6/Trường Quân sự Quân khu 9	Bộ Quốc phòng	Trưởng Quân sự	Nhằm bảo đảm tốt nhu cầu ăn, ở, sinh hoạt, học tập, làm việc cho cán bộ và các đối tượng học viên chuyên môn kỹ thuật; góp phần nâng cao chất lượng công tác giáo dục đào tạo của Nhà trường; từng bước xây dựng đơn vị chính quy, hiện đại; tạo cảnh quan môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp.	 <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hạng mục công trình chính, tổng diện tích sàn khoảng 4183m<sup>2</sup>, bao gồm: Nhà làm việc chi huy Tiểu đoàn; Nhà ở học viên đại đội 61, 62, 63 (03 nhà); Nhà ăn; Nhà vệ sinh đại đội 61, 62, 63 (03 nhà).</li> <li>- Hạ tầng kỹ thuật, doanh cụ đồng bộ</li> </ul>	C	43.000	NSQP	Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	2022-2024
10	Doanh trại Ban CHQS huyện Mỹ Xuyên/Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng/Quân khu 9	Bộ Quốc phòng	Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng	Đầu tư xây dựng Ban CHQS huyện Mỹ Xuyên nhằm bảo đảm nhu cầu ăn, ở, sinh hoạt, làm việc, huấn luyện chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu góp phần xây dựng đơn vị chính quy, hiện đại và tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hạng mục công trình chính, tổng diện tích sàn khoảng 2113m<sup>2</sup>, bao gồm: Nhà Chi huy; Nhà ăn; Nhà trực ban + tiếp dân; Nhà xe máy; Kho quân khí.</li> <li>- Hạ tầng kỹ thuật, doanh cụ, thiết bị đồng bộ</li> </ul>	B	45.000	NSQP	Ấp Hòa Nhơ A, xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	2022-2024
<b>Tổng cộng</b>							<b>196.500</b>			

*Qu*



BỘ QUỐC PHÒNG  
QUÂN KHU 9

Số: 123/QĐ-QK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 21 tháng 11 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế xây dựng

Công trình: Xây dựng Doanh trại Tiểu đoàn 6/Trường Quân sự Quân khu 9

### TƯ LỆNH QUÂN KHU

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Số 84/2011/TT-BQP ngày 21/6/2011 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của Quân khu; số 106/2021/TT-BQP ngày 06/8/2021 quy định về thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trong Bộ Quốc phòng; số 174/2021/TT-BQP ngày 27/12/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 2861/QĐ-BQP ngày 02/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt dự án Xây dựng Doanh trại Tiểu đoàn 6/Trường Quân sự Quân khu 9;

Căn cứ Công văn số 4078/KHĐT-PT ngày 20/7/2021 của Cục trưởng Cục Kế hoạch và Đầu tư/Bộ Quốc phòng về việc sử dụng chi phí dự phòng của các dự án đầu tư;

Căn cứ Công văn số 3352/DT-TĐ ngày 15/11/2022 của Cục trưởng Cục Doanh trại/TCHC Thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án Doanh trại Ban CHQS huyện Mỹ Xuyên/Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng/Quân khu 9;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Quân sự Quân khu tại Tờ trình số 2751/TTr-TQS ngày 28/10/2022 về việc xin phê duyệt Thiết kế xây dựng công trình Xây dựng Doanh trại Tiểu đoàn 6/Trường Quân sự Quân khu 9 và Báo cáo kết quả thẩm định số 194/BC-HC ngày 19/11/2022 của Cục Hậu cần/Quân khu 9.



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt thiết kế xây dựng công trình Xây dựng Doanh trại Tiểu đoàn 6/Trường Quân sự Quân khu 9 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Xây dựng Doanh trại Tiểu đoàn 6/Trường Quân sự Quân khu 9.

2. Dự án: Xây dựng Doanh trại Tiểu đoàn 6/Trường Quân sự Quân khu 9.

3. Loại, cấp công trình; số bước thiết kế: Công trình dân dụng, cấp III; 02 bước thiết kế.

4. Địa điểm xây dựng: Đường Trần Hưng Đạo, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

5. Chủ đầu tư: Trường Quân sự Quân khu 9.

6. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định xây dựng Tân Nam.

7. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Thương mại Tiến Đạt.

8. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Công ty TNHH MTV Tư vấn và thẩm định xây dựng Nhất Tiến.

9. Quy mô và giải pháp thiết kế

9.1 Các hạng mục công trình

a) Nhà ở và làm việc Chỉ huy Tiểu đoàn

- Kiến trúc: Nhà 02 tầng, tổng diện tích sàn 648m<sup>2</sup>, gồm 07 gian, 06 gian rộng 3,9m, 01 gian cầu thang bộ rộng 4,8m, nhịp chính 6,9m, hành lang trước 1,8m, hành lang sau 2,2m. Nền cao 0,75m; tầng 1, 2 cao 3,9m, chiều cao đỉnh mái 11,35m (tính từ cốt sàn hoàn thiện ngoài nhà). Giao thông đứng gồm 01 cầu thang bộ.

- Kết cấu: Móng sử dụng cọc bê tông li tâm PC-A D300, gồm 50 cọc dài 30m sức chịu tải tính toán cọc đơn 37 tấn (02 cọc thử tĩnh, 48 cọc đại trà); đài cọc, giằng móng BTCT mác 300; hệ khung cột, dầm, sàn mái BTCT mác 250; bản thang bộ dày 100 gối lên hệ dầm thang và tường bao. Mái lợp ngói đỏ 22viên/m<sup>2</sup> trên hệ xà gồ thép hộp, khung dầm BTCT.

- Hoàn thiện: Tường xây gạch đất sét nung vữa XM mác 75; tường xây, cầu kiện bê tông trát vữa XM mác 75, lăn sơn trực tiếp (trừ khu vực có trần giả hoặc ốp vật liệu khác); chân tường ốp gạch cao 0,2m; khu vệ sinh ốp gạch 300x600, cao 2,1m. Nền nhà BT đá 1x2 mác 250 dày 100, sàn lát gạch ceramic 600x600; khu vệ sinh lát gạch 300x300 chống trượt. Trần phòng khách, phòng giao ban bằng thạch cao khung xương chìm, giạt cấp; khu vệ sinh sử dụng trần tấm nhựa 600x600, khung xương nổi; các phòng khác trát vữa XM, lăn sơn trực tiếp. Chân tường ngoài nhà ốp đá chẻ, sơn dầu; bậc cầu thang, tam cấp, mặt lan can, ngạch cửa ốp đá granite; trụ, tường ngoài ốp phào, kẻ chỉ; tường lăn sơn trực tiếp chống rêu mốc. Cửa đi, cửa sổ, vách ngăn khung nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38mm, phụ kiện đồng bộ.

- Hệ thống điện: Nguồn điện của đơn vị cấp đến tủ điện tổng bằng cáp CXV/DSTA 4x25mm<sup>2</sup> luồn trong ống HDPE chôn ngầm; từ tủ điện tổng cấp đến các tủ điện tầng bằng cáp CVV 2x16mm<sup>2</sup>; phân phối đến tủ điện phòng điều



khiến các thiết bị tiêu thụ (quạt điện, đèn chiếu sáng, ổ cắm,...) bằng cáp CU/PVC luồn trong ống PVC âm tường, âm trần; tủ điện tổng được nối đất an toàn theo quy định. Thiết bị chiếu sáng sử dụng đèn Led tiết kiệm điện.

- Cấp nước: Nguồn nước của đơn vị cấp đến bể chứa inox 1,0m<sup>3</sup> đặt sau công trình; bơm lên bể nước mái inox 2,0m<sup>3</sup>; cấp nước đến các thiết bị tiêu thụ bằng hệ thống ống HDPE.

- Thoát nước: Nước sản vệ sinh, chậu rửa theo ống PVC D90; nước xí tiêu theo ống PVC D114 qua bể tự hoại xử lý cục bộ; thoát nước mưa sử dụng ống uPVC D42 thu thoát về rãnh xây B500 quanh nhà, dẫn ra hệ thống thoát nước chung của đơn vị bằng ống UPVC D200.

- Chống sét: Gồm kim thu sét D18 dài 1,7m bằng thép mạ kẽm đặt trên đỉnh mái; dây dẫn sét bằng thép D10 mạ kẽm luồn trong ống PVC cố định trên tường; dây nối đất bằng thép D12; bãi tiếp địa sử dụng cọc thép hình L63x63x5 mạ kẽm, dài 2,5m, sâu 0,8m; điện trở nối đất yêu cầu  $R_{td} < 10\Omega$ .

- PCCC: Sử dụng loại bình cầm tay gồm 06 bình bột ABC loại 8kG và 06 bình khí CO2 loại 5kG đặt trên giá thép, bố trí tại sảnh cầu thang các tầng.

#### b) Nhà ăn

- Kiến trúc: Nhà 01 tầng, diện tích sàn 797m<sup>2</sup>. Khu vực ăn gồm 10 gian 3,6m, nhịp 9,0m, hành lang trước 2,1m; khu gia công + bếp nấu+ soạn chia gồm 05 gian 3,6m, 02 nhịp 3,6m, 01 nhịp 4,8m; khu ở + kho + vệ sinh gồm 06 gian 3,6m, nhịp 6,0m, hành lang trước 1,8m. Nền cao 0,45m; chiều cao tầng 4,25m, chiều cao đỉnh mái trước 7,95m, mái sau 7,10m (tính từ cốt sân hoàn thiện ngoài nhà).

- Kết cấu: Móng đơn kết hợp hệ dầm giằng BTCT mác 300; hệ khung cột, dầm, sàn mái (không bao gồm phòng ăn, sân gia công) BTCT mác 250. Mái lợp ngói đỏ 22viên/m<sup>2</sup> trên hệ xà gồ thép hộp; vì kèo thép hình tổ hợp và khung dầm BTCT.

- Hoàn thiện: Tường xây gạch đất sét nung vữa XM mác 75; tường xây, cấu kiện bê tông trát vữa XM mác 75, lăn sơn trực tiếp (trừ khu vực có trần giả hoặc ốp vật liệu khác); chân tường trong nhà và hành lang ốp gạch cao 0,2m; khu vệ sinh ốp gạch 300x600, cao 2,1m. Nền nhà BT đá 4x6 mác 150 dày 100, lát gạch ceramic 600x600 chống trượt; sân gia công, khu vệ sinh lát gạch ceramic 300x300 chống trượt. Trần phòng ăn sử dụng tấm trần nhựa 600x600, khung xương nổi; các phòng khác trát vữa XM, lăn sơn trực tiếp. Chân tường ngoài nhà ốp đá chẻ, sơn dầu; tam cấp, mặt lan can, ngạch cửa ốp đá granite; trụ, tường ngoài ốp phào, kẻ chỉ; tường lăn sơn trực tiếp chống rêu mốc. Cửa đi, cửa sổ, vách ngăn khung nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38mm, phụ kiện đồng bộ.

- Hệ thống điện: Nguồn điện của đơn vị cấp đến tủ điện tổng bằng cáp CXV/DSTA 4x16mm<sup>2</sup> luồn trong ống HDPE chôn ngầm; từ tủ điện tổng cấp đến các bảng điện điều khiển các thiết bị tiêu thụ (quạt điện, đèn chiếu sáng, ổ cắm,...) bằng cáp CU/PVC luồn trong ống PVC âm tường, âm trần. Thiết bị chiếu sáng sử dụng đèn Led tiết kiệm điện.

- Cấp nước: Nguồn nước của đơn vị cấp đến bể chứa nước; bơm lên bể nước mái inox 2,0m<sup>3</sup>; cấp nước đến các thiết bị tiêu thụ bằng hệ thống ống HDPE. Bể chứa nước kích thước 3,6x8,0m, cao 1,9m (phần chìm 0,45m, phần nổi 1,45m) chia làm 02 khoang thông nhau; đáy bể dày 200, dầm bao đáy bể 200x400, trụ



tường, nắp bể dày 120 bằng BTCT mác 250; tường bao, tường ngăn chia xây gạch đặc dày 200, trát vữa XM mác 75; thành trong và đáy chống thấm, ốp gạch men 250x250; nắp cửa thăm 600x600 bằng khung thép, thùng tôn dày 3mm.

- Thoát nước: Nước sàn vệ sinh, chậu rửa theo ống PVC D90; nước xí tiêu theo ống PVC D114 qua bể tự hoại xử lý cục bộ; nước khu vực bếp, gia công qua bể tách mỡ thu thoát về rãnh xây B500 quanh nhà, dẫn ra hệ thống thoát nước chung của đơn vị bằng ống UPVC D200.

- Chống sét: Gồm kim thu sét D18 dài 1,7m bằng thép mạ kẽm đặt trên đỉnh mái; dây dẫn sét bằng thép D10 mạ kẽm luồn trong ống PVC cố định trên tường; dây nối đất bằng thép D12; bãi tiếp địa sử dụng cọc thép hình L63x63x5 mạ kẽm, dài 2,5m, sâu 0,8m; điện trở nối đất yêu cầu  $R_{td} < 10\Omega$ .

- PCCC: Sử dụng loại bình cầm tay gồm 07 bình bột ABC loại 8kG và 07 bình khí CO2 loại 5kG đặt trên giá thép, bố trí tại hành lang, khu bếp nấu và các khu vực nguy hiểm cháy.

c) Nhà ở học viên Đại đội 61, 62, 63 (03 nhà)

- Kiến trúc: Nhà 02 tầng, tổng diện tích sàn 762m<sup>2</sup>, gồm 09 gian 3,6m, nhịp chính 6,9m, hành lang trước, sau rộng 1,8m, hành lang hai bên rộng 1,5m. Nền cao 0,75m; tầng 1, 2 cao 4,0m, chiều cao đỉnh mái 11,2m (tính từ cốt sàn hoàn thiện ngoài nhà). Giao thông đứng gồm 01 cầu thang bộ.

- Kết cấu: Móng sử dụng cọc bê tông li tâm PC-A D300, gồm 72 cọc dài 30m sức chịu tải tính toán cọc đơn 37 tấn (02 cọc thử tĩnh, 70 cọc đại trà); đài cọc, giằng móng BTCT mác 300; hệ khung cột, dầm, sàn mái BTCT mác 250; bản thang bộ dày 100 gối lên hệ dầm thang và tường bao. Mái lợp ngói đỏ 22viên/m<sup>2</sup> trên hệ xà gồ thép hộp, khung dầm BTCT.

- Hoàn thiện: Tường xây gạch đất sét nung vữa XM mác 75; tường xây, cầu kiện bê tông trát vữa XM mác 75, lăn sơn trực tiếp; chân tường ốp gạch cao 0,2m. Nền nhà BT đá 4x6 mác 150 dày 100, sàn lát gạch ceramic 500x500. Trần sần, hành lang và các phòng chức năng trát vữa XM, lăn sơn trực tiếp. Chân tường ngoài nhà ốp đá chẻ, sơn dầu; bậc cầu thang, tam cấp, mặt lan can, ngạch cửa ốp đá granite; trụ, tường ngoài ốp phào, kẻ chi; tường lăn sơn trực tiếp chống rêu mốc. Cửa đi, cửa sổ khung nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38mm, phụ kiện đồng bộ.

- Hệ thống điện: Nguồn điện của đơn vị cấp đến tủ điện tổng bằng cáp CXV/DSTA 4x25mm<sup>2</sup> luồn trong ống HDPE chôn ngầm; từ tủ điện tổng cấp đến các tủ điện tầng bằng cáp CVV 2x16mm<sup>2</sup>; phân phối đến tủ điện phòng điều khiển các thiết bị tiêu thụ (quạt điện, đèn chiếu sáng, ổ cắm,...) bằng cáp CU/PVC luồn trong ống PVC âm tường, âm trần; tủ điện tổng được nối đất an toàn theo quy định. Thiết bị chiếu sáng sử dụng đèn Led tiết kiệm điện.

- Thoát nước: Sử dụng ống uPVC D42 âm cột thu nước mưa hành lang thoát xuống sân quanh nhà.

- Chống sét: Gồm kim thu sét D18 dài 1,7m bằng thép mạ kẽm đặt trên đỉnh mái; dây dẫn sét bằng thép D10 mạ kẽm luồn trong ống PVC cố định trên tường; dây nối đất bằng thép D12; bãi tiếp địa sử dụng cọc thép hình L63x63x5 mạ kẽm, dài 2,5m, sâu 0,8m; điện trở nối đất yêu cầu  $R_{td} < 10\Omega$ .

- PCCC: Sử dụng loại bình cầm tay gồm 04 bình bột ABC loại 8kG và 04



binh khí CO<sub>2</sub> loại 5kg đặt trên giá thép, bố trí tại sảnh cầu thang các tầng.

d) Nhà vệ sinh Đại đội 61, 62, 63 (03 nhà)

- Kiến trúc: Nhà 01 tầng, diện tích sàn 189m<sup>2</sup>. Khu vực tắm + đánh răng gồm 05 gian 3,6m, nhịp 6,4m; khu vệ sinh gồm 05 gian 3,6m, bố trí 15 hố đại tiện và 02 máng tiêu; nhịp 3,8m. Nền cao 0,3m; chiều cao tầng 3,3m, chiều cao đỉnh mái 6,25m (tính từ cốt sàn hoàn thiện ngoài nhà).

- Kết cấu: Móng đơn kết hợp hệ dầm giằng BTCT mác 300; hệ khung cột, dầm, sàn mái (không bao gồm phòng ăn, sân gia công) BTCT mác 250. Mái lợp ngói đỏ 22viên/m<sup>2</sup> kết hợp tôn lấy sáng trên hệ xà gồ thép hộp; vì kèo thép hình tổ hợp và khung dầm BTCT; khu vực .

- Hoàn thiện: Tường xây gạch đất sét nung vữa XM mác 75; tường xây, cầu kiện bê tông trát vữa XM mác 75, lăn sơn trực tiếp (trừ khu vực ốp tường); tường phòng tắm, khu vệ sinh ốp gạch 300x600, cao 2,1m. Nền BT đá 4x6 dày 100, lát gạch ceramic 300x300 chống trượt; kệ giặt lát gạch ceramic 600x600; chân chậu rửa, bể nước, máng tiêu ốp, lát gạch ceramic 200x500. Chân tường ngoài nhà ốp đá chẻ, sơn dầu; trụ, tường ngoài ốp phào, kẻ chỉ; tường lăn sơn trực tiếp chống rêu mốc. Cửa đi, cửa sổ khung nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38mm, phụ kiện đồng bộ.

- Hệ thống điện: Nguồn điện của đơn vị cấp đến tủ điện tổng bằng cáp CVV 2x16mm<sup>2</sup> luồn trong ống HDPE chôn ngầm; từ tủ điện tổng cấp đến các bảng điện điều khiển các thiết bị chiếu sáng bằng cáp CU/PVC luồn trong ống PVC âm tường, âm trần. Thiết bị chiếu sáng sử dụng đèn Led tiết kiệm điện.

- Cấp nước: Nguồn nước của đơn vị bơm lên 02 bể nước mái inox 2,0m<sup>3</sup>; cấp nước đến các thiết bị tiêu thụ bằng hệ thống ống HDPE.

- Thoát nước: Nước sàn vệ sinh, chậu rửa theo ống PVC D90; nước xí tiêu theo ống PVC D114 qua bể tự hoại xử lý cục bộ; nước khu vực tắm qua rãnh thu sàn, ống PVC D114 thu thoát về rãnh xây B500 quanh nhà, dẫn ra hệ thống thoát nước chung của đơn vị bằng ống UPVC D200.

## 9.2. Hạ tầng kỹ thuật

a) Đường bê tông: Tổng diện tích 1.500m<sup>2</sup>; Kết cấu từ trên xuống gồm: Mặt bê tông XM đá 1x2 mác 250 dày 18cm; lớp giấy dầu; cát đen đầm chặt K=0,95; nền đất đầm chặt K=0,95; bố trí khe co, giãn theo quy định.

b) Sân bê tông: Tổng diện tích 2.000m<sup>2</sup>; Kết cấu từ trên xuống gồm: Mặt bê tông XM đá 1x2 mác 200 dày 7cm; lớp giấy dầu; cát đen đầm chặt K=0,95; nền đất đầm chặt K=0,95; bố trí khe co, giãn theo quy định.

c) Cột cờ: Cao 7,2m; chân đế rộng 1,4x1,4m, cao 0,6m, xây gạch giắt đều ba cấp, ốp đá granite tự nhiên; cột cờ bằng trụ Inox 304 D76, cao 6,2m; trụ kẹp chân cột cờ bằng hộp Inox 60x120, cao 0,6m, chôn sâu 1,2m; móng BT đá 1x2 mác 250 kích thước 0,4x0,4x1,2m, sâu 0,6m.

d) Hệ thống điện: Nguồn điện từ lưới điện hạ thế của đơn vị cấp đến tủ điện tổng các hạng mục công trình bằng cáp điện CXV (4x50mm<sup>2</sup>; 4x35mm<sup>2</sup>) đi nổi trên hệ thống cột BTLT cao 8,5m kết hợp cáp điện CXV/DSTA (4x25mm<sup>2</sup>; 4x11mm<sup>2</sup>) luồn trong ống nhựa xoắn HDPE chôn ngầm; hệ thống tiếp địa an toàn theo quy định.



## đ) Hệ thống cấp, thoát nước

- Cấp nước mạng ngoài: Nguồn nước sạch của địa phương cấp nước sinh hoạt đến các hạng mục công trình bằng đường ống chính HDPE D63, ống nhánh D40. Đường ống cấp chôn ngầm dọc theo vỉa hè đường giao thông nội bộ.

- Hệ thống thoát nước mạng ngoài: Sử dụng hệ thống mương thoát nước B500 kết hợp cống BTLT D400 (đoạn kết nối qua đường) thu thoát nước thải sinh hoạt về hệ thống chung cho đơn vị. Mương thoát nước xây gạch 0,5x0,6m, thành trong và đáy trát vữa XM mác 75; nắp đan BTCT dày 70 đực lỗ. Hồ ga xây gạch 1,2x1,2x1,05m; thành trong và đáy trát vữa XM mác 75; nắp đan BTCT dày 80.

## 9.3. Doanh cụ, thiết bị:

a) Doanh cụ: Gồm 03 bàn làm việc chỉ huy; 03 bàn làm việc cơ quan; 08 bàn họp giao ban; 03 ghế làm việc chỉ huy; 27 ghế tựa.

b) Thiết bị: 01 hệ thống bếp dầu 02 buồng đốt 250-K20.

10. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình: Nhà cấp III 25 năm; Nhà cấp IV 15 năm.

## 11. Giá trị tổng dự toán

a) Cơ sở áp dụng các văn bản

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 hướng dẫn ban hành phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.

- Văn bản của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng: Số 63/QĐ-SXD ngày 14/10/2021 về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng năm 2021; số 76/QĐ-SXD ngày 03/12/2021 về việc công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; công bố giá VLXD số 08/SXD-KTVL ngày 14/9/2022, số 08A/SXD-KTVL ngày 27/9/2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

- Bản vẽ thiết kế và Báo cáo Kết quả thẩm tra TKBVTC-TDT số 76/TT-NT ngày 20/10/2022 của Công ty TNHH MTV Tư vấn và Thẩm định xây dựng Nhất Tiến.

b) Giá trị tổng dự toán: 43.000.000.000 đồng (Bốn mươi ba tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	36.605.400.000 đồng
- Chi phí doanh cụ, thiết bị:	600.000.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	730.278.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	3.096.782.000 đồng
- Chi phí khác:	414.607.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	1.552.933.000 đồng

(Chi tiết xem phụ lục kèm theo)

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Quốc phòng.

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2024.

14. Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: Như danh mục Quy chuẩn, Tiêu chuẩn được duyệt trong dự án đầu tư xây dựng (Quyết định số 2861/QĐ-BQP ngày 02/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

**Điều 2.** Trường Quân sự Quân khu (Chủ đầu tư) căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 và Báo cáo kết quả thẩm định của Cục Hậu cần, hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và triển khai các bước tiếp theo đúng quy định; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật của Nhà nước, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Tư lệnh Quân khu về quản lý đầu tư và xây dựng.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Hiệu trưởng Trường Quân sự Quân khu, Chủ nhiệm Hậu cần Quân khu, Trưởng phòng Tài chính Quân khu, Trưởng phòng Doanh trại/Cục Hậu cần và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /g

**Nơi nhận:**

- Cục KH&ĐT/BQP;
- Cục Tài chính/BQP;
- Cục Doanh trại/TCHC;
- Cục Hậu cần QK;
- Trường Quân sự Quân khu;
- Phòng Tài chính QK;
- Phòng Doanh trại/CHC;
- Lưu: VT, DT. Tu10. /g

**TƯ LỆNH**



**Trung tướng Nguyễn Xuân Dắt**





**TỔNG CỤC QUẢN LÝ DỰNG**

**CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG DOANH NGHIỆP TIỂU ĐỘI 6/TRƯỜNG QUÂN SỰ QUẬN KHU 9**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-QG ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Tư lệnh Quân khu 9)

(Đơn vị tính: Đồng)

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	KÝ HIỆU	DỰ TOÁN	GHI CHÚ
	<b>TỔNG DỰ TOÁN</b>			<b>TMDT</b>	<b>43.000.000.000</b>	Gxd+Gtb+Gda+Gtv+Gk+Gdp
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng (Gxd)</b>			<b>Gxd</b>	<b>36.605.400.000</b>	Gxd1+...Gxd11
<b>A</b>	<b>Công trình kiến trúc</b>				<b>34.277.551.000</b>	
1	Nhà ở và làm việc Chi huy Tiểu đoàn (2 tầng)	m2	648		5.817.826.000	
2	Nhà ăn (1 tầng)	m2	797		6.025.281.000	
3	Nhà ở học viên đại đội 61 (2 tầng)	m2	762		6.000.318.000	
4	Nhà ở học viên đại đội 62 (2 tầng)	m2	762		6.000.318.000	
5	Nhà ở học viên đại đội 63 (2 tầng)	m2	762		6.000.318.000	
6	Nhà vệ sinh đại đội 61 (1 tầng)	m2	189		1.477.830.000	
7	Nhà vệ sinh đại đội 62 (1 tầng)	m2	189		1.477.830.000	
8	Nhà vệ sinh đại đội 63 (1 tầng)	m2	189		1.477.830.000	
<b>B</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật</b>				<b>2.221.203.000</b>	
1	Hệ thống sân đường, cột cờ					
	<b>Đường bê tông</b>	m2	1.500		682.239.000	





STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	KÝ HIỆU	DỰ TOÁN	GHI CHÚ
	Sàn bê tông	m <sup>2</sup>	2.000		552.807.000	
	Cột cờ	Cây	1		23.264.000	
2	Hệ thống điện (điện ngoại vi)	HT	1		341.823.000	
3	Hệ thống cấp - thoát nước	HT	1		621.070.000	
C	Chống mối			Gcm	106.646.000	
II	Doanh cụ			Gdc	600.000.000	
1	Doanh cụ				200.000.000	
2	Thiết bị bếp dầu 02 buồng đốt 250-K20				400.000.000	
III	Chi phí quản lý dự án			Gqlđa	730.278.000	Theo dự án được duyệt
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			Gtv	3.096.782.000	Gtv1+...+Gtv12
1	Chi phí lập quy hoạch tổng mặt bằng doanh trại				495.000.000	
2	Chi phí khảo sát địa chất 02 tim				159.947.000	
3	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng				241.855.000	
4	Chi phí lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường				84.000.000	
5	Chi phí thiết kế BVTC-TDT				680.000.000	
6	Chi phí thẩm tra hồ sơ thiết kế BVTC				50.042.000	
7	Chi phí thẩm tra dự toán				48.803.000	
8	Chi phí lập HSMT, HSĐT thi công xây dựng				100.863.000	
9	Chi phí lập HSMT, HSĐT phân Doanh cụ, thiết bị				2.202.000	



STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	KÝ HIỆU	DỰ TOÁN	GHI CHÚ
10	Chi phí lập HSMT, HSĐT (TV thiết kế + TV giám sát)				9.438.000	
11	Chi phí giám sát thi công xây dựng				976.632.000	Gxd*2,668%
12	Chi phí thử tính				248.000.000	Theo dự án được duyệt
V	<b>Chi phí khác</b>			<b>Gk</b>	<b>414.607.000</b>	Gk1+...+Gk7
1	Chi phí kiểm toán				200.599.000	(TMDT-Gdp)*0,484%
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán				57.082.000	(TMDT-Gdp)*0,303%*0,5
3	Lệ phí thẩm định dự án				6.000.000	Theo dự án được duyệt
4	Chi phí bảo hiểm công trình (Phản kiến trúc)				43.926.000	Gxd*0,12%
5	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường				9.000.000	Theo dự án được duyệt
6	Chi phí rà phá bom mìn				50.000.000	Theo dự án được duyệt
7	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng				48.000.000	Theo dự án được duyệt
<b>VI</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>			<b>Gdp</b>	<b>1.552.933.000</b>	





**BỘ QUỐC PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2862**/QĐ-BQP

Hà Nội, ngày **02** tháng **8** năm 2022

TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU 9	
<b>ĐẾN</b>	Số: <b>1234</b>
	Ngày: <b>02.8.22</b>
	Chuyên: <b>P.H.C</b>

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu  
dự án Xây dựng Doanh trại Tiểu đoàn 6/Trường Quân sự Quân khu 9**

**BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG**

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu; số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BQP ngày 12/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định một số nội dung về lựa chọn nhà thầu trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Tư lệnh Quân khu 9 tại Tờ trình số 599/TTr-QK ngày 23/3/2022 và văn bản số 1248/QK-HC ngày 10/6/2022; Cục trưởng Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP tại Báo cáo kết quả thẩm định số **4506** /BC-KHĐT ngày **28** tháng **7** năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Xây dựng Doanh trại Tiểu đoàn 6/Trường Quân sự Quân khu 9 như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

1. BTL Quân khu 9 thực hiện chức năng là cơ quan cấp trên trực tiếp của Chủ đầu tư, chịu trách nhiệm chỉ đạo, giám sát, kiểm tra Trường Quân sự/Quân khu 9 triển khai thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo đúng pháp luật của Nhà nước và quy định của Bộ Quốc phòng.

2. Trường Quân sự/Quân khu 9 (Chủ đầu tư) căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 và Báo cáo thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP, hoàn chỉnh hồ sơ; thẩm định, phê duyệt các nội dung tiếp theo của quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng pháp luật của Nhà nước và quy định Bộ Quốc phòng. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ Quốc phòng về quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt dự án đầu tư.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tư lệnh Quân khu 9, Hiệu trưởng Trường Quân sự/Quân khu 9 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Đ/c Bộ trưởng (đề báo cáo);
- BTL Quân khu 9;
- Trường Quân sự/QK9;
- C41, C54;
- Lưu: VT, THBĐ. NVD 07.



**Thượng tướng Vũ Hải Sản**



Phụ lục

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ ÁN XÂY DỰNG DOANH TRẠI, NIỆU ĐOÀN 6/TRƯỜNG QUÂN SỰ QUẬN KHU 9

(Kèm theo Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng). 

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức và phương thức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Gói thầu số 01: Thiết kế BVTC-TDT	683.495	NSNN	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng; 1 giai đoạn, 2 túi hồ sơ	Quý III/2022	Trọn gói	30 ngày	
2	Gói thầu số 02: Thẩm tra thiết kế BVTC-TDT	98.845	NSNN	Chỉ định thầu rút gọn trong nước	Quý III/2022	Trọn gói	15 ngày	
3	Gói thầu số 03: Tư vấn lập HSMT và đánh giá HSĐT thi công xây dựng + thiết bị + tư vấn	112.503	NSNN	Chỉ định thầu rút gọn trong nước	Quý III/2022	Trọn gói	200 ngày	
4	Gói thầu số 04: Giám sát thi công xây dựng	949.524	NSNN	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng; 1 giai đoạn, 2 túi hồ sơ	Quý III, IV/2022	Trọn gói	540 ngày	
5	Gói thầu số 05: Bảo hiểm công trình	42.468	NSNN	Chỉ định thầu rút gọn trong nước	Quý III, IV/2022	Trọn gói	600 ngày	
6	Gói thầu số 06: Chống mối	100.000	NSNN	Chỉ định thầu rút gọn trong nước	Quý IV/2022	Trọn gói	210 ngày	
7	Gói thầu số 07: Thử tính cọc	248.000	NSNN	Chỉ định thầu rút gọn trong nước	Quý III, IV/2022	Trọn gói	30 ngày	



TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức và phương thức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Ghi chú
8	Gói thầu số 08: Rà phá bom mìn	50.000	NSNN	Chỉ định thầu rút gọn trong nước.	Quý III/2022	Trọn gói	30 ngày	
9	Gói thầu số 09: Mua sắm doanh cụ	200.000	NSNN	Chỉ định thầu rút gọn trong nước	Quý I/2023	Trọn gói	30 ngày	
10	Gói thầu số 10: Mua sắm, lắp đặt thiết bị bếp dầu 02 buồng đốt 250-K20	400.000	NSNN	Chỉ định thầu rút gọn trong nước	Quý I/2023	Trọn gói	30 ngày	
11	Gói thầu số 11: Thi công các hạng mục kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật.	35.290.400	NSNN	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng; 1 giai đoạn, 2 túi hồ sơ	Quý III, IV/2022	Trọn gói	540 ngày	
<b>Tổng cộng: 38.175.235.000 đồng</b>								

(Ba mươi tám tỷ, một trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi lăm ngàn đồng)

**Ghi chú:** - Giá các gói thầu tính trên cơ sở tổng mức đầu tư được duyệt của dự án (toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu và chưa tính dự phòng).  
- Giá chính xác căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.





**BỘ QUỐC PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2861** /QĐ-BQP

Hà Nội, ngày **02** tháng **8** năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án Xây dựng Doanh trại Tiểu đoàn 6  
Trường Quân sự Quân khu 9**

**BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG**

TRƯỞNG QUÂN SỰ QUÂN KHU 9	
ĐẾN	Số: <b>1235</b>
	Ngày: <b>07.8.22</b>
Chuyên:	<b>HC</b>

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát đánh giá đầu tư;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Quốc phòng: Số 128/2021/TT-BQP ngày 01/10/2021 quy định về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư trong Bộ Quốc phòng; số 106/2021/TT-BQP ngày 06/8/2021 quy định về thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trong Bộ Quốc phòng; số 174/2021/TT-BQP ngày 27/12/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong Bộ Quốc phòng;

Thực hiện Quyết định số 4420/QĐ-BQP ngày 08/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án công trình phổ thông năm 2022 của Quân khu 9;

Theo đề nghị của Tư lệnh Quân khu 9 tại Tờ trình số 599/TTr-QK ngày 23/3/2022 và văn bản số 1248/QK-HC ngày 10/6/2022; Cục trưởng Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP tại Báo cáo kết quả thẩm định số **4106/BC-KHĐT** ngày **28** tháng **7** năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Xây dựng Doanh trại Tiểu đoàn 6/Trường Quân sự Quân khu 9 với các nội dung chủ yếu sau:



1. Tên dự án: Xây dựng Doanh trại Tiểu đoàn 6/Trường Quân sự Quân khu 9.

2. Chủ đầu tư: Trường Quân sự/Quân khu 9.

3. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Thương mại Tiến Đạt.

4. Chủ nhiệm lập dự án, lập thiết kế cơ sở: KS Nguyễn Văn Tuyết.

5. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng Tiểu đoàn 6/Trường Quân sự Quân khu 9 nhằm từng bước bảo đảm tốt nhu cầu sinh hoạt, học tập, làm việc cho cán bộ và học viên; góp phần nâng cao chất lượng công tác giáo dục đào tạo của Nhà trường; từng bước xây dựng đơn vị chính quy, hiện đại; tạo cảnh quan môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp.

6. Địa điểm xây dựng: Đường Trần Hưng Đạo, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

7. Diện tích sử dụng đất: Tổng diện tích khu đất Trường Quân sự là 672.046,4m<sup>2</sup>.

8. Phương án quy hoạch: Theo quy hoạch tổng mặt bằng được Tư lệnh Quân khu 9 phê duyệt.

9. Quy mô đầu tư

Đầu tư xây dựng: Nhà ở và làm việc Chỉ huy Tiểu đoàn, 02 tầng, diện tích sàn 648m<sup>2</sup>; Nhà ăn, 01 tầng, diện tích sàn 797m<sup>2</sup>; Nhà ở học viên Đại đội (c61, c62, c63), 03 nhà, 02 tầng, diện tích sàn 766m<sup>2</sup>/1 nhà; Nhà vệ sinh Đại đội (c61, c62, c63), 03 nhà, 01 tầng, diện tích sàn 189m<sup>2</sup>/1 nhà. Hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; bổ sung thiết bị, doanh cụ.

(Chi tiết tại Phụ lục I).

10. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):

10.1. Các hạng mục công trình chính

10.1.1. Giải pháp kiến trúc

- Nhà ở và làm việc Chỉ huy Tiểu đoàn: 02 tầng; gồm 07 gian, bước gian 3,9m (gian giữa 4,8m), nhịp chính 6,9m; hành lang trước rộng 1,8m, hành lang sau rộng 2,2m. Cốt +0.00 cao hơn nền sân 0,75m; tầng 1 và tầng 2 cao 3,9m, chiều cao nhà 10,5m. Giao thông đứng gồm một cầu thang bộ.

- Nhà ăn: 01 tầng; phân thành 3 khối. Khối phòng ăn kích thước 9x36m, hành lang trước rộng 2,1m. Khối gia công, soạn chia, bếp nấu, bể nước kích thước 12x18m. Khối phòng kho, phòng quản lý, phòng vệ sinh và khu hành lang kích thước 7,8x21,6m. Cốt +0.00 cao hơn nền sân 0,45m, chiều cao nhà 7,25m.

- Nhà ở học viên Đại đội (c61, c62, c63): 02 tầng; gồm 09 gian, bước gian 3,6m, nhịp chính 6,9m; hành lang trước và sau rộng 1,8m, hành lang hai đầu nhà rộng 1,5m. Cốt +0.00 cao hơn nền sân 0,45m; tầng 1 và tầng 2 cao 4m, chiều cao nhà 10,75m. Giao thông đứng gồm một cầu thang bộ.

- Nhà vệ sinh Đại đội (c61, c62, c63): 01 tầng; gồm 2 khu, khu tắm kích thước 6,4x18m, gồm 02 khu đánh răng rửa mặt, giữa khu bố trí 01 bể chứa nước



đặt bán âm không nắp. Khu vệ sinh kích thước tổng quát 3,8x18m, bố trí 15 ngăn xí và 02 máng đi tiêu. Cốt +0.00 cao hơn nền sân 0,3m, chiều cao nhà 5,95m.

#### 10.1.2. Giải pháp kết cấu

- Phần móng: Nhà ở và làm việc móng BTCT trên nền cọc bê tông ly tâm; Nhà ăn, Nhà vệ sinh móng BTCT trên nền đất tự nhiên.

- Phần thân: Khung cột, dầm, sàn bê tông cốt thép. Tường bao che và ngăn chia xây gạch.

- Giải pháp kết cấu mái: Xây tường thu hồi, vì kèo thép hình, trên gác xà gỗ thép, cầu phong, ly tô và lợp mái ngói.

#### 10.1.3. Giải pháp hoàn thiện

- Nhà ăn, ở, làm việc: Tường, cột, dầm, trần sơn trực tiếp. Nền nhà và hành lang lát gạch, chân tường ốp gạch; nền vệ sinh lát gạch chống trơn và tường vệ sinh ốp gạch. Tam cấp, cầu thang lát đá granite. Lan can hành lang gắn lục bình, mặt trên giếng BTCT, ốp đá granite. Cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhôm kính. Lắp đặt hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, chống sét hoàn chỉnh; hệ thống PCCC sử dụng bình CO2 và bình bột chữa cháy cho các nhà.

- Đối với công trình nhà vệ sinh chung của các đơn vị sử dụng cửa đi bằng nhôm kính, cửa lấy sáng và thông gió dùng loại nan chớp bê tông. Tường, cột, dầm, trần sơn trực tiếp. Khu xí, tiêu, phòng thay đồ, khu đánh răng rửa mặt, bể nước, bể giặt,... ốp gạch. Lắp đặt hệ thống cấp điện, cấp thoát nước hoàn chỉnh.

#### 10.2. Hạ tầng kỹ thuật

- Đường bê tông: Lớp bê tông đá 1x2 mác 250 dày 18cm; lớp giấy dầu; lớp cát đen đầm chặt K=0,95; nền tự nhiên đầm chặt K=0,95.

- Sân bê tông: Lớp bê tông đá 1x2 mác 200 dày 7cm; lớp giấy dầu; lớp cát đen đầm chặt K=0,95; nền tự nhiên đầm chặt K=0,95.

- Cột cờ: Móng BTCT, xây gạch, ốp đá granite; cột bằng inox.

- Hệ thống điện: Điện cấp cho các hạng mục công trình được lấy từ nguồn điện hạ thế tại đơn vị. Các dây điện ngoại vi được đi nổi trên cột điện cao 8m và đi âm dưới nền đường. Toàn bộ dây 3 pha sử dụng cáp điện CXV 4x35 mm<sup>2</sup>, CXV 4x25 mm<sup>2</sup>, CXV 4x16 mm<sup>2</sup>.

- Hệ thống cấp, thoát nước:

+ Cấp nước: Sử dụng ống HDPE Ø63 và Ø40 làm ống cấp chính cho toàn khu, đi âm dưới nền đất cấp theo giờ bố vỉa hè, dẫn tới các công trình.

+ Thoát nước: Hệ thống thoát nước được thiết kế dạng công BTCT và rãnh xây gạch, kết hợp hố ga.

11. Danh mục tiêu chuẩn chính áp dụng cho dự án: Chi tiết như Phụ lục II kèm theo.

12. Nhóm dự án: Nhóm C.

13. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

14. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước.



15. Hình thức, đầu tư: Xây dựng mới.

16. Phương án bảo vệ môi trường: Đăng ký cấp phép môi trường theo quy định Luật Bảo vệ môi trường.

17. Tổng mức đầu tư: 43.000.000.000 đồng.

(Bốn mươi ba tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp:	35.390.400.000 đồng;
- Chi phí thiết bị, doanh cụ:	600.000.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	730.278.000 đồng;
- Chi phí Tư vấn ĐTXD:	3.073.170.000 đồng;
- Chi phí khác:	428.733.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	2.777.419.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

18. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Quốc phòng.

19. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư sử dụng tư cách pháp nhân của mình và bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực để tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng. Trường hợp không đủ điều kiện thực hiện, chủ đầu tư được thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định tham gia quản lý dự án.

20. Phương thức thực hiện: Lựa chọn nhà thầu theo quy định.

21. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2024.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. Trường Quân sự/Quân khu 9 (Chủ đầu tư) có trách nhiệm gửi bản chụp (photocopy hoặc file PDF) hồ sơ dự án đã được Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP đóng dấu thẩm định về các cơ quan chức năng để theo dõi, tổng hợp; chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng các quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng. Trong quá trình thực hiện dự án, các nội dung điều chỉnh, phát sinh về nội dung, quy mô, thiết kế cơ sở, thay đổi nguồn vốn, thời gian thực hiện phải báo cáo Bộ Quốc phòng và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được Thủ trưởng Bộ Quốc phòng đồng ý bằng văn bản. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ Quốc phòng về quá trình tổ chức triển khai dự án.

2. BTL Quân khu 9 tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán (tổng dự toán) theo đúng quy mô đầu tư, thiết kế cơ sở và không vượt tổng mức đầu tư của dự án; thực hiện chức năng cơ quan cấp trên của chủ đầu tư theo đúng quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

3. Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất.

4. Cục Tài chính/BQP hướng dẫn chủ đầu tư các thủ tục thanh, quyết toán theo đúng quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

5. Cục Doanh trại/TCHC hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tư lệnh Quân khu 9, Hiệu trưởng Trường Quân sự/Quân khu 9 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Quân khu 9;
- Trường Quân sự/QK9;
- C41, C46, C54;
- Lưu: VT, THBĐ. NVD 08.



**Thượng tướng Vũ Hải Sản**



**Phụ lục I**

**TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

**DỰ ÁN XÂY DỰNG DOANH TRẠI TIỂU ĐOÀN 6/TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU 9**

*(Kèm theo Quyết định số 2861 /QĐ-BQP ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng BQP)*

Số TT	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng	Thành tiền (1.000đ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	<b>Tổng số</b>			<b>43.000.000</b>	
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng (Gxd)</b>			<b>35.390.400</b>	
<b>A</b>	<b>Công trình chính</b>			<b>33.760.400</b>	
1	Nhà ở và làm việc Chi huy Tiểu đoàn (02 tầng)			5.346.000	
1.1	Phần thân	m <sup>2</sup>	648	4.860.000	
1.2	Phần móng			486.000	
2	Nhà ăn (01 tầng)	m <sup>2</sup>	797	5.818.100	
3	Nhà ở học viên đại đội 61 (02 tầng)			6.057.900	
3.1	Phần thân	m <sup>2</sup>	762	5.486.400	
3.2	Phần móng			571.500	
4	Nhà ở học viên đại đội 62 (02 tầng)			6.057.900	
4.1	Phần thân	m <sup>2</sup>	762	5.486.400	
4.2	Phần móng			571.500	
5	Nhà ở học viên đại đội 63 (02 tầng)			6.057.900	
5.1	Phần thân	m <sup>2</sup>	762	5.486.400	
5.2	Phần móng			571.500	
6	Nhà vệ sinh đại đội 61 (01 tầng)	m <sup>2</sup>	189	1.474.200	
7	Nhà vệ sinh đại đội 62 (01 tầng)	m <sup>2</sup>	189	1.474.200	
8	Nhà vệ sinh đại đội 63 (01 tầng)	m <sup>2</sup>	189	1.474.200	
<b>B</b>	<b>Công trình hạ tầng kỹ thuật</b>			<b>1.530.000</b>	
1	Hệ thống sân, đường, cột cờ			1.130.000	
1.1	Đường bê tông	m <sup>2</sup>	1.500	600.000	
1.2	Sân bê tông	m <sup>2</sup>	2.000	500.000	
1.3	Cột cờ			30.000	
2	Hệ thống điện (điện ngoại vi)	HT	1	100.000	
3	Hệ thống cấp, thoát nước	HT	1	300.000	
<b>C</b>	<b>Chống môi</b>			<b>100.000</b>	
<b>II</b>	<b>Chi phí thiết bị, doanh cụ</b>			<b>600.000</b>	
1	Doanh cụ			200.000	
2	Thiết bị bếp dầu 02 buồng đốt 250-K20	HT	1	400.000	
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>			<b>730.278</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư XD</b>			<b>3.073.170</b>	
1	Chi phí lập quy hoạch tổng mặt bằng			495.000	
2	Chi phí khảo sát địa chất			159.947	
3	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi			241.855	
4	Chi phí lập báo cáo đề xuất cấp phép môi trường			84.000	

Số TT	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng	Thành tiền (1.000đ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
5	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công - dự toán			683.495	
6	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công			50.042	
7	Chi phí thẩm tra dự toán			48.803	
8	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá HSDT phần xây dựng			100.863	
9	Lập HSMT, đánh giá HSDT mua sắm doanh cụ, thiết bị			2.202	
10	Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình			949.524	
11	Lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế			9.438	
12	Chi phí thử tĩnh cọc			248.000	
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>			<b>428.733</b>	
1	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi			6.000	
2	Chi phí kiểm toán			208.120	
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán			65.145	
4	Chi phí bảo hiểm công trình			42.468	
5	Chi phí rà phá bom mìn			50.000	
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng			48.000	
7	Phí thẩm định cấp phép môi trường			9.000	
<b>VI</b>	<b>Dự phòng</b>			<b>2.777.419</b>	



**Phụ lục II**

**DANH MỤC CÁC TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG CHO DỰ ÁN  
XÂY DỰNG DOANH TRẠI TIÊU ĐOÀN 6/TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU 9**

*(Kèm theo Quyết định số 2861/QĐ-BQP ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)*



STT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn Việt Nam nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế	TCVN 4319:2012	
2	Tải trọng và tác động. Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737-1995	
3	Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình	TCVN 9362-2012	
4	Kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574: 2018	
5	Thiết kế công trình chịu động đất phần 1, phần 2	TCVN 9386-2012	
6	Kết cấu xây dựng nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán	TCVN 9379-2012	
7	Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5573-2011	
8	Trụ sở cơ quan. Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 4601:1998	
9	Đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng.	TCVN 9207: 2012	
10	Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng.	TCVN 9206: 2012	
11	Ecgonômi - Chiếu sáng nơi làm việc - Phần 1: Trong nhà	TCVN 711-1:2008	
12	Bảo vệ chống sét – phần 1 – Nguyên tắc chung	TCVN 9888-1 -2013	
13	Chống sét cho công trình xây dựng: Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.	TCVN 9385-2012	
14	Lựa chọn và lắp đặt thiết bị điện – Bố trí dây nối đất và dây bảo vệ	TCVN 7447-5-54:2015	
15	Tiêu chuẩn thiết kế cấp nước bên trong.	TCVN 4513:1988	
16	Tiêu chuẩn thiết kế thoát nước bên trong.	TCVN 4474:1987	
17	Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế	TCVN 2622:1995	
18	Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;	TCVN 3890:2009	
19	Cọc bê tông li tâm - khoan hạ cọc - thi công và nghiệm thu	TCVN 10667:2014	
20	Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - cấp nước và thoát nước - mạng lưới bên ngoài - bản vẽ thi công	TCVN 3989:2012	
21	Quyết định số 627/QĐ-BQP ngày 28/3/2007 của Bộ trưởng BQP về mức tiêu hao vật liệu, vật tư chính một số loại sản, đường nội bộ doanh trại.		

**Ghi chú:** Quá trình triển khai thực hiện dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm cập nhật các Tiêu chuẩn áp dụng cho dự án khi có sửa đổi, bổ sung, thay thế./.

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO



# GIẤY CHỨNG NHẬN

## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

### QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

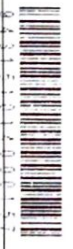
I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

**TRƯỜNG QUÂN SỰ QUẬN KHU 9**

Địa chỉ trụ sở chính: Đường Trần Hưng Đạo, khóm 2, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**BU 766723**

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



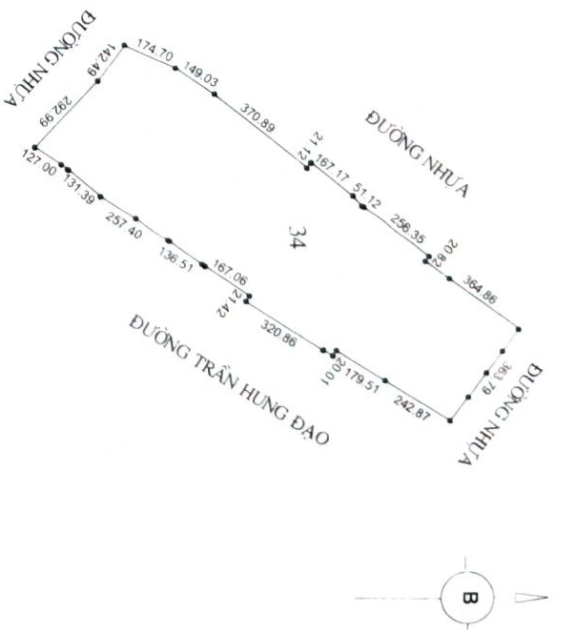
0 4 3 1 2 0 1 7 0 0 0 1 5 7

**II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**1. Thừa đất:**

- a) Thừa đất số: 34 . tờ bản đồ số: 60
  - b) Địa chỉ: Khóm 2, phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
  - c) Diện tích: 672.046,4m<sup>2</sup>  
(Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi hai ngàn không trăm bốn mươi sáu phẩy bốn mét vuông).
  - d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
  - d) Mục đích sử dụng: Đất quốc phòng (CQP).
  - e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài.
  - g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSIDD như giao đất không thu tiền sử dụng đất.
2. Nhà ở: -/-
  3. Công trình xây dựng khác: -/-
  4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
  5. Cây lâu năm: -/-
  6. Ghi chú: Không

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**



**IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Sóc Trăng, ngày 23 tháng 05 năm 2014

**TM. UBND TỈNH SÓC TRĂNG**

**TU. CHỦ TỊCH**

**GIÀM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**



*Nguyễn Ngọc Sơn*

**CHỖ THỰC BÀN SAO BÙNG VỚI BÀN CHÍNH**

Số chứng thực: 26 / Nguyên số: SCT/BS  
Ngày 25 tháng 5 năm 2014

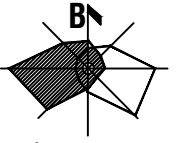
**CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 2**



*Nguyễn Văn Thọ*

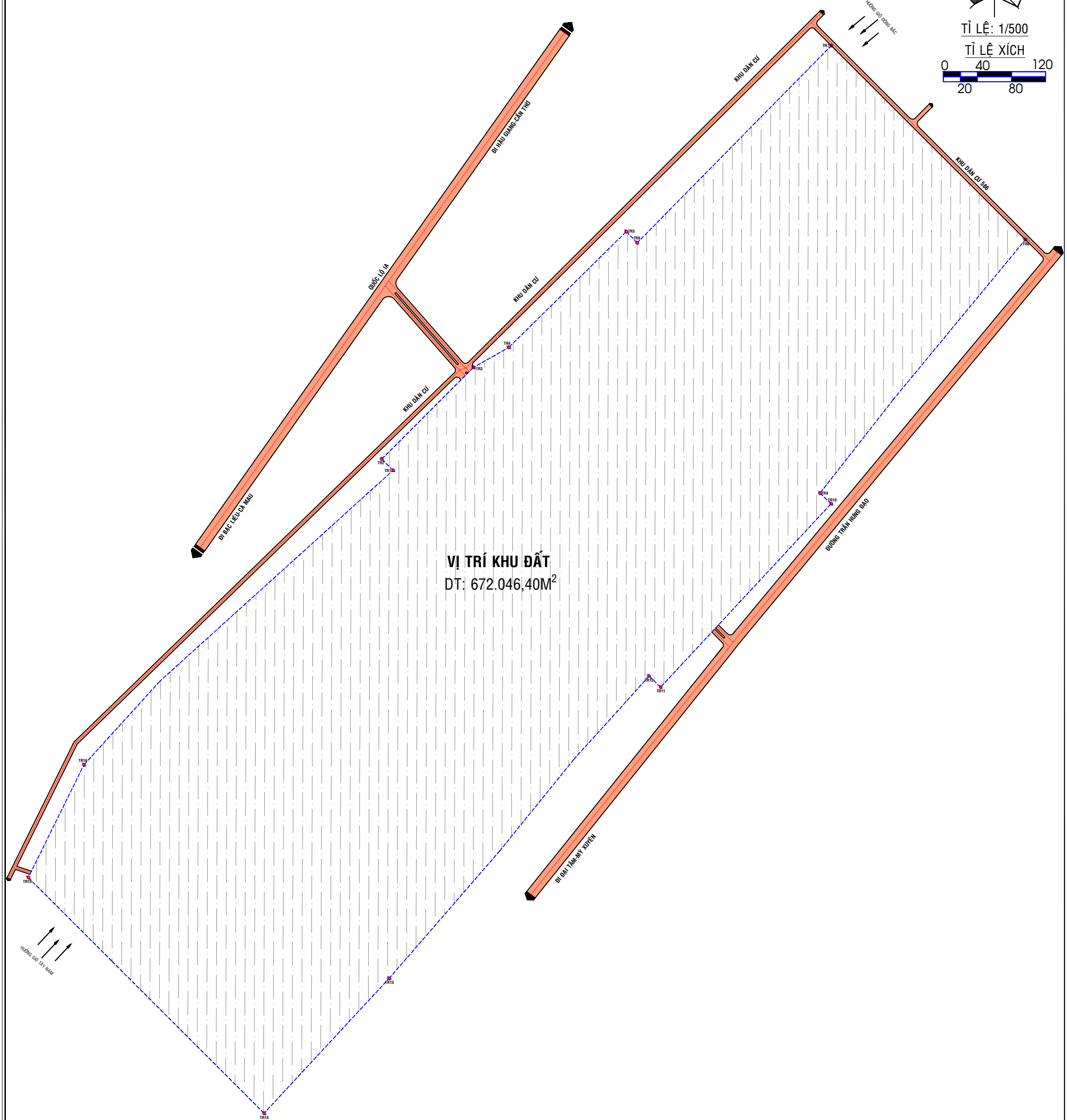
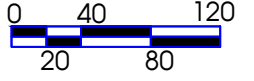


# SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ GIỚI HẠN KHU ĐẤT DOANH TRẠI TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU 9



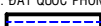
TỈ LỆ: 1/500

TỈ LỆ XÍCH



VỊ TRÍ KHU ĐẤT  
DT: 672.046,40M<sup>2</sup>

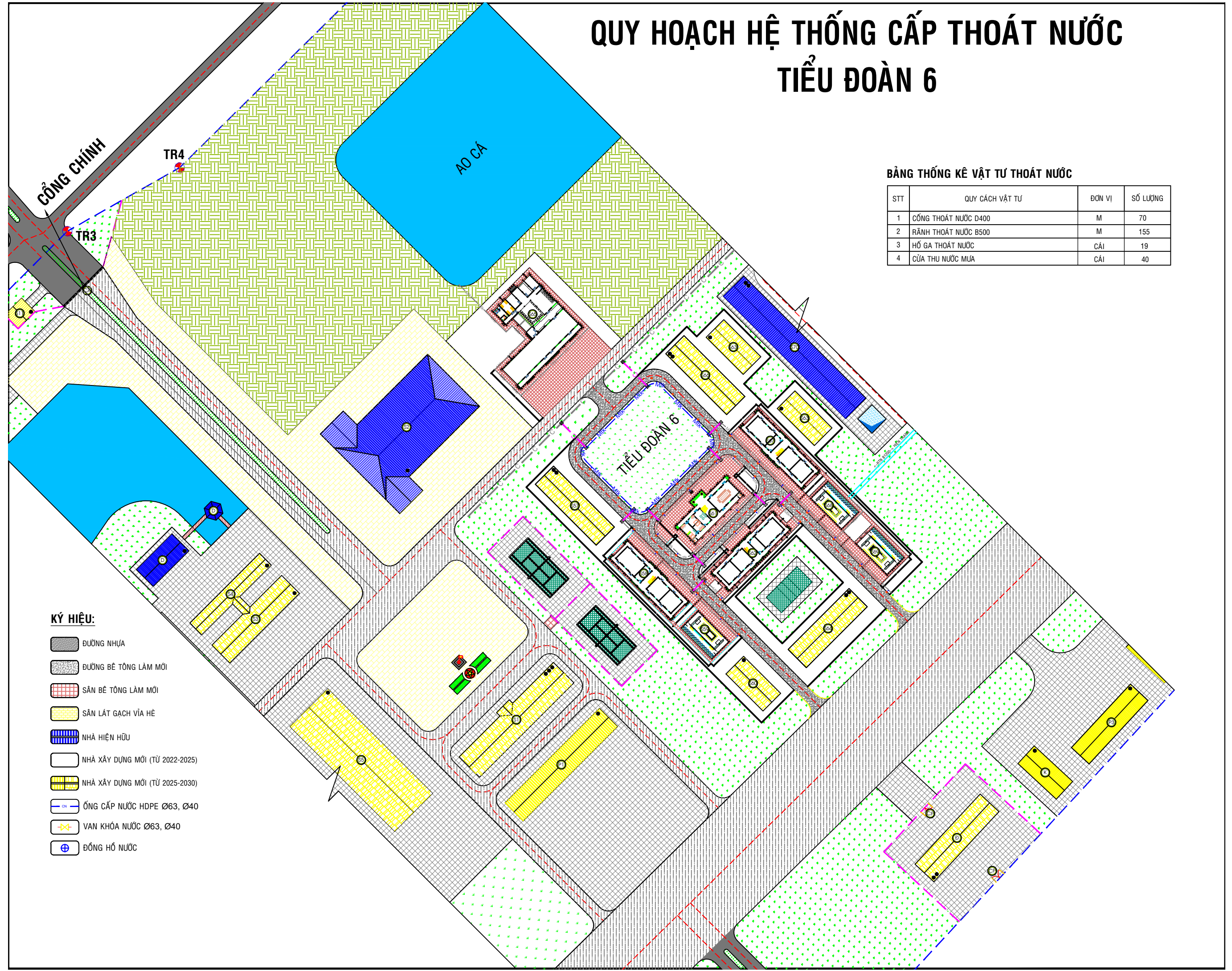
## CHÚ THÍCH

1. DIỆN TÍCH TOÀN BỘ KHU ĐẤT: 672.046,40 M<sup>2</sup>.
  2. DIỆN TÍCH ĐẤT PHẠM LỘ GIỚI: S= 00,00M<sup>2</sup>.
  3. DIỆN TÍCH ĐẤT SỬ DỤNG: 672.046,40 M<sup>2</sup>.
  4. SỐ ĐỒ: BU 766723
  5. MỐC RANH GIỚI: CỎ (CÁC TRỤ BẢNG CỌC BÉ TỔNG CỐT THÉP TỨ TRỤ TR1 ĐẾN TR16).
  6. DIỆN TÍCH CÒN TRANH CHẤP LẤN CHIẾM: 0M<sup>2</sup>.
  7. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG: ĐẤT QUỐC PHÒNG.
- RANH GIỚI KHU ĐẤT: 










# QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC TIỂU ĐOÀN 6

**BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ THOÁT NƯỚC**

STT	QUY CÁCH VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	CỐNG THOÁT NƯỚC D400	M	70
2	RĂNG THOÁT NƯỚC B500	M	155
3	HỔ GA THOÁT NƯỚC	CÁI	19
4	CỬA THU NƯỚC MÙA	CÁI	40

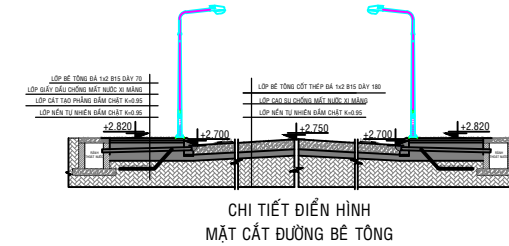


**KÝ HIỆU:**

-  ĐƯỜNG NHỰA
-  ĐƯỜNG BÉ TÔNG LÂM MỚI
-  SÀN BÉ TÔNG LÂM MỚI
-  SÀN LÁT GẠCH VÍA HÈ
-  NHÀ HIỆN HỮU
-  NHÀ XÂY DỰNG MỚI (TỪ 2022-2025)
-  NHÀ XÂY DỰNG MỚI (TỪ 2025-2030)
-  ỐNG CẤP NƯỚC HDPE Ø63, Ø40
-  VAN KHÓA NƯỚC Ø63, Ø40
-  ĐỒNG HỒ NƯỚC



# QUY HOẠCH HỆ THỐNG SÂN ĐƯỜNG TIỂU ĐOÀN 6



## THỐNG KÊ DIỆN TÍCH SÂN ĐƯỜNG

- ĐƯỜNG BÊ TÔNG: 2.350M<sup>2</sup>.
- SÂN BÊ TÔNG: 2.250M<sup>2</sup>.

## GHI CHÚ

- BẢN VẼ ĐƯỢC LẬP THEO HỆ TỌA ĐỘ VN2000.
- CAO ĐỘ ĐƯỢC LẬP THEO HỆ ĐỘ CAO HÒN ĐẦU ĐƯỢC DẪN CHUYỂN TỪ MỐC ĐỊA CHÍNH VỀ, H=+2.500M. ĐIỂM GỬI CAO ĐỘ TRÊN NHÀ Ở KIẾN THỨC QUỐC PHÒNG (+3.160).
- QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG CAO ĐỘ +2.750, SÂN BÊ TÔNG CAO ĐỘ +2.820 SO VỚI CAO ĐỘ QUỐC GIA.

### KÝ HIỆU:

- ĐƯỜNG NHỰA
- ĐƯỜNG BÊ TÔNG LÂM MỚI
- SÂN BÊ TÔNG LÂM MỚI
- SÂN LÁT GẠCH VĨA HÈ
- NHÀ HIỆN HỮU
- NHÀ XÂY DỰNG MỚI (TỪ 2022-2025)
- NHÀ XÂY DỰNG MỚI (TỪ 2025-2030)
- ÁY XANH THÂM CỎ, KHU TĂNG GIA
- KÉN, AO, MƯỜNG THOÁT NƯỚC; BỂ NƯỚC
- BỜ VĨA 1; L= 610M
- BỜ VĨA 2; L= 265M
- BỜ NỀN SÂN BÊ TÔNG; L= 570M
- TIM ĐƯỜNG

CHỦ ĐẦU TƯ:  
TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU 9

Đại tá Phạm Thanh Bình

TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH TVTK  
XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI  
**TIẾN ĐẠT**

ĐC: 359/26B ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN CỬ,  
P. AN HÒA, Q. NINH KIỀU, TP. CẦN THƠ  
ĐT: 0939.813139

GIÁM ĐỐC:

*(Signature)*  
NGUYỄN VĂN TUYẾT

CHỦ TRÌ:

*(Signature)*  
KTS: HOÀNG THẾ PHƯƠNG

THIẾT KẾ:

*(Signature)*  
KTS: DƯƠNG VĂN NIN

THỂ HIỆN:

*(Signature)*  
KS: ĐẶNG HUYNH TOÀN

KIỂM TRA:

*(Signature)*  
KS: NGUYỄN VĂN TUYẾT

DỰ ÁN:

XÂY DỰNG DOANH TRẠI TIỂU ĐOÀN 6  
TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU 9

ĐC: ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO - PHƯỜNG 2 - TP. SÓC TRĂNG

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG SÂN ĐƯỜNG, CỘT CỜ

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ:

HỒ SƠ THIẾT KẾ CƠ SỞ

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG SÂN ĐƯỜNG CỘT CỜ

TỶ LỆ:  
1/100

NGÀY HOÀN THÀNH:  
THÁNG 03 NĂM 2022

KHỔ GIẤY:  
A2

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

BV 01/03

PHÁT HÀNH LẦN:

01